

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 608 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược
Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035**

GÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: C
Ngày: 07/14/2026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 153/NQ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 47/2025/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phối hợp hoạt động của các cơ quan tham gia hợp tác ASEAN;

Căn cứ Tờ trình số 2154/TTr-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động) với các nội dung chính sau:

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Chương trình hành động được xây dựng và triển khai theo chủ trương chung của Đề án tổng thể định hướng xây dựng Chương trình hành động triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045 và các Kế hoạch chiến lược về Chính trị-An ninh, Kinh tế, Văn hóa-Xã hội và Kết nối. Chương trình hành động cũng bám sát các quan điểm chỉ đạo cốt lõi, thể hiện tầm nhìn và cam kết của Việt Nam với một Cộng đồng ASEAN vững mạnh, thịnh vượng, với các quan điểm cụ thể sau:

Thứ nhất, Chương trình hành động đảm bảo vai trò chủ động, tích cực và có trách nhiệm của Việt Nam trong tiến trình xây dựng và triển khai các mục tiêu của Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đồng thời bảo đảm quán triệt đầy đủ các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế đất nước, bám sát các mục tiêu của Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045, các Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN và các cam kết, nghĩa vụ của Việt Nam trong ASEAN, qua đó cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.

Thứ hai, Chương trình hành động được xây dựng trên cơ sở lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của quá trình triển khai, hướng tới mục tiêu cuối cùng là nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, mở rộng cơ hội kinh doanh, việc làm và tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp và người dân; đồng thời bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế với phát triển bền vững, bao trùm và nâng cao an sinh xã hội.

Thứ ba, Chương trình hành động đề cao cách tiếp cận toàn diện, liên ngành và liên trụ cột; đồng thời chú trọng nâng cao hiệu quả thực thi, cơ chế theo dõi, đánh giá và điều chỉnh chính sách trong quá trình triển khai giữa cấp trung ương và cấp địa phương. Do đó, việc triển khai tại Việt Nam cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các Bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan, đảm bảo tính hiệu quả và tránh chồng chéo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Hiện thực hóa các ưu tiên chiến lược của Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN giai đoạn 2026-2030 và giai đoạn 2031-2035, và tầm nhìn 2045 của ASEAN.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các mục tiêu, biện pháp và hoạt động của Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, hải quan, thuận lợi hóa thương mại, logistics, thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thành phố thông minh, hành lang kinh tế thế hệ mới ... bảo đảm hài hòa với cam kết trong ASEAN và thông lệ quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả điều phối liên ngành; củng cố năng lực của các cơ quan đầu mối tham gia các cơ chế hợp tác Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC); tăng

cường tham vấn, chia sẻ thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp.

- Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tận dụng tốt hơn các cơ hội từ thị trường ASEAN; mở rộng đầu tư, thương mại và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực.

- Nâng cao nhận thức và năng lực hội nhập của các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành nghề và doanh nghiệp; tăng cường chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong tiến trình hội nhập AEC.

- Hoàn thiện cơ chế theo dõi, đánh giá, giám sát việc triển khai các cam kết AEC; bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và khả năng điều chỉnh kịp thời chính sách trong bối cảnh khu vực và quốc tế đầy biến động; đồng thời lồng ghép triển khai các cam kết này với các mục tiêu, chiến lược phát triển quốc gia, đặc biệt là Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045, nhằm góp phần thực hiện hiệu quả các ưu tiên phát triển của đất nước.

- Tiếp tục nâng cao vị thế, vai trò và tiếng nói của Việt Nam trong ASEAN; đồng thời đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng và định hình các sáng kiến hợp tác kinh tế trong ASEAN và trong tiến trình xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN gắn kết, năng động, thích ứng, sáng tạo và bao trùm, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Trên cơ sở các quan điểm và mục tiêu trên, căn cứ nội dung Kế hoạch Chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2026-2030, tầm nhìn 2045, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần xây dựng kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa và góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược sau đây (*Phụ lục phân công nhiệm vụ cụ thể ban hành kèm theo*):

Mục tiêu Chiến lược 1: Một cộng đồng định hướng hành động: Hướng tới mục tiêu một thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, dựa trên nguồn năng lực cạnh tranh mới.

Mục tiêu Chiến lược 2: Một cộng đồng bền vững: Lồng ghép các yếu tố, chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu trong tất cả các lĩnh vực hợp tác kinh tế.

Mục tiêu Chiến lược 3: Một cộng đồng dám nghĩ, dám làm, táo bạo và đổi mới.

Mục tiêu Chiến lược 4: Một cộng đồng chủ động và thích ứng: Tăng cường chương trình nghị sự ASEAN toàn cầu.

Mục tiêu Chiến lược 5: Một cộng đồng nhanh nhẹn và tự cường: Tăng cường năng lực cho Cộng đồng Kinh tế ASEAN và người dân ASEAN, để ứng phó với các cú sốc, áp lực, khủng hoảng và biến động.

Mục tiêu Chiến lược 6: Một cộng đồng hòa nhập, cùng tham gia và hợp tác: Kiến tạo ASEAN lấy con người làm trung tâm, không bỏ lại ai ở phía sau.

IV. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Chương trình hành động được triển khai trên phạm vi cả nước, áp dụng đối với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan đầu mối tham gia hợp tác trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

2. Thời gian thực hiện

a) Giai đoạn 1: Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030

- Sáu tháng đầu năm 2026: hoàn thành việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 của các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình hành động và lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp trung ương và địa phương.

- Giai đoạn 2026-2030: Triển khai hiệu quả các hoạt động trọng tâm theo từng lĩnh vực.

- Năm 2028: Đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030.

- Năm 2030: Đánh giá cuối kỳ giai đoạn 1 việc triển khai Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035.

b) Giai đoạn 2: Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035

- Sáu tháng đầu năm 2031: ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035.

- Giai đoạn 2031-2035: Triển khai hiệu quả các hoạt động trọng tâm theo từng lĩnh vực.

- Năm 2032: Đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035.

- Năm 2035: Đánh giá cuối kỳ việc thực hiện Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Lồng ghép Kế hoạch chiến lược vào các cơ chế, chính sách và chương trình phát triển trong nước

- Tổ chức lồng ghép các mục tiêu, định hướng và hoạt động của Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong mục tiêu chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách trong nước có liên quan để phù hợp với cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đồng thời gắn với yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia – dân tộc và phát triển bền vững.

2. Tăng cường hệ thống thông tin, báo cáo, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện

- Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống thu thập, chia sẻ thông tin, chế độ báo cáo, theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động ở các Bộ, ngành và địa phương.

- Hoàn thiện bộ chỉ tiêu và cơ chế đánh giá định kỳ nhằm bảo đảm việc giám sát, đánh giá được thực hiện một cách thường xuyên, khách quan, minh bạch; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để có giải pháp điều chỉnh phù hợp.

3. Thúc đẩy vận động, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Đẩy mạnh công tác vận động, huy động và lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, cũng như các cơ chế hỗ trợ trong khuôn khổ ASEAN và các đối tác, các tổ chức quốc tế, khu vực tư nhân và các nguồn hợp pháp khác.

- Bảo đảm việc phân bổ và sử dụng nguồn lực cho triển khai Chương trình hành động được thực hiện một cách hợp lý, hiệu quả, đúng mục tiêu, tránh chồng chéo, trùng lặp.

4. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp và phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị tham gia triển khai Chương trình hành động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hội nhập, quản lý và điều phối cho đội ngũ cán bộ làm công tác ASEAN ở các Bộ, ngành và địa phương thông qua đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm và tham gia các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN.

5. Tăng cường khai thác hiệu quả các FTA giữa ASEAN và đối tác (ASEAN+, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực - RCEP)

- Phát triển hệ sinh thái logistics tích hợp khu vực, tăng cường kết nối hạ tầng, dịch vụ và nền tảng số nhằm giảm chi phí thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp ASEAN tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực.

- Thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới trong ASEAN, thông qua hài hòa hóa quy định, tiêu chuẩn và tăng cường năng lực chuyển đổi số cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu thương mại trong nội khối, bao gồm dữ liệu hải quan, chứng nhận xuất xứ và tiêu chuẩn – quy chuẩn kỹ thuật, qua đó tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan và tuân thủ quy tắc xuất xứ.

6. Tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức về Cộng đồng ASEAN và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về Cộng đồng ASEAN nói chung và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045 nói riêng tới cán bộ, doanh nghiệp và người dân, với nội dung, hình thức phù hợp từng nhóm đối tượng.

- Thúc đẩy đối thoại và kết nối thông qua tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn về hợp tác ASEAN, đặc biệt trong những lĩnh vực Việt Nam, ASEAN và các đối tác cùng quan tâm và có lợi ích chung nhằm tăng cường trao đổi chính sách, chia sẻ kinh nghiệm và thúc đẩy hợp tác thực chất.

- Tăng cường sự tham gia, đồng hành và ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, tổ chức xã hội – nghề nghiệp và người dân đối với tiến trình hội nhập ASEAN và việc triển khai Chương trình hành động.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Các Bộ, ngành là các cơ quan trực tiếp tham gia hợp tác ASEAN thuộc trụ cột Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 47/2025/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2025 bao gồm: Bộ Công Thương; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ngân hàng Nhà nước; và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động theo lĩnh vực phụ trách (theo Phụ lục của Quyết định này), đảm bảo lồng ghép hiệu quả các ưu tiên quốc gia trong lĩnh vực phụ trách vào tiến trình hợp tác ASEAN, hoàn thành trong Quý II/2026. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan thuộc các chương trình, kế hoạch của Chương trình hành động đã được phê duyệt trong giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035, đồng thời căn cứ nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động để xây dựng kế hoạch triển khai của từng ngành, làm cơ sở cho địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai ở cấp độ địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan để thực hiện đánh giá cuối kỳ giai đoạn 1 (2026-2030) và xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035 vào năm 2030, đồng thời thực hiện đánh giá cuối kỳ vào năm 2035.

- Tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, và các đối tác khác (gọi tắt là tổ chức) tham gia vào quá trình xây dựng, triển khai thực hiện, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động trên cơ sở phù hợp chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

- Ban hành hướng dẫn triển khai cho các địa phương (bao gồm mẫu biểu, hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo), nhằm bảo đảm thống nhất trong quá trình thực hiện, tăng cường theo dõi, đánh giá và tổng hợp kết quả triển khai trên phạm vi toàn quốc, qua đó nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương.

2. Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức thực hiện Chương trình hành động.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng năm, tổ chức đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện Chương trình hành động giai đoạn 1 (2026-2030), tổ chức tổng kết, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện Chương trình hành động giai đoạn 2 (2031-2035) và báo

cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

3. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành thuộc Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam bố trí kinh phí thực hiện Chương trình hành động trong dự toán ngân sách hàng năm và kế hoạch trung hạn của các Bộ, ngành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các quy định pháp luật liên quan.

- Cung cấp số liệu, báo cáo tình hình kinh tế Việt Nam, số liệu về thương mại hai chiều và các chỉ tiêu khác giữa Việt Nam và ASEAN nhằm đánh giá thực hiện các mục tiêu.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành khác có liên quan vận động nguồn hỗ trợ phát triển chính thức để thực hiện Chương trình hành động.

4. Bộ Ngoại giao

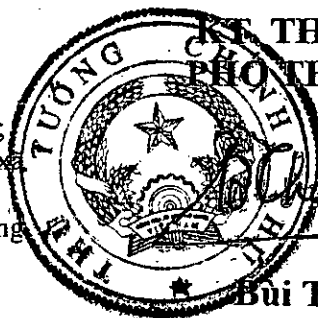
Thúc đẩy thực hiện và huy động nguồn lực của ASEAN và các nước đối tác trong việc thực hiện Chương trình hành động.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện, nếu thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh Chương trình hành động này, các Bộ, ngành và cơ quan liên quan chủ động kiến nghị, đề xuất với Bộ Công Thương, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KGVX, TH;
- Lưu: VT, QHQT (2). KT.



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Bùi Thanh Sơn
Bùi Thanh Sơn



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN
tại Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030 và 2031 - 2035

(Kèm theo Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2026 của
Thủ tướng Chính phủ)

I. BỐI CẢNH

1. Bối cảnh thế giới

Từ đầu năm 2026, tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường và có chiều hướng tăng trưởng chậm lại do các điểm nóng xung đột và bất ổn địa kinh tế chính trị. Khoa học và công nghệ tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng, gắn chặt với an ninh và cạnh tranh chiến lược.

Trước các biến động và rủi ro gia tăng, các quốc gia chủ trương tăng cường tự chủ chiến lược, đa dạng hóa quan hệ đối tác, điều chỉnh và gia tăng quan hệ và hợp tác với các đối tác châu Á. Các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển, nhấn mạnh chủ nghĩa đa phương là điểm tựa chiến lược, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và bảo vệ lợi ích chính đáng trên cơ sở pháp luật quốc tế.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, kinh tế thế giới cũng đang xuất hiện một số cơ hội và động lực tăng trưởng mới. Quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển dịch năng lượng đang mở ra các lĩnh vực hợp tác và đầu tư mới giữa các nền kinh tế. Nhu cầu thúc đẩy thương mại bền vững, tăng cường kết nối kinh tế khu vực và tận dụng các hiệp định thương mại tự do tiếp tục được nhiều quốc gia quan tâm. Những xu hướng này vừa đặt ra các thách thức trong việc thích ứng chính sách và nâng cao năng lực cạnh tranh, vừa tạo cơ hội để các nền kinh tế chủ động nắm bắt các động lực tăng trưởng mới và tăng cường hợp tác kinh tế trong giai đoạn tới.

2. Bối cảnh khu vực

ASEAN hiện là khu vực kinh tế phát triển năng động, gồm 11 quốc gia thành viên¹ với tổng dân số gần 700 triệu người và quy mô GDP xếp thứ năm thế giới với tổng GDP năm 2024 đạt khoảng 3,9 nghìn tỉ USD, chỉ xếp sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Đức và Nhật Bản². Các nền kinh tế trong khối có độ mở cao, phụ thuộc nhiều vào thương mại và đầu tư quốc tế, đồng thời giữ vai trò ngày càng quan trọng trong chuỗi

¹ Từ ngày 26/10/2025, Timo Leste được kết nạp là thành viên thứ 11 của ASEAN

² Số liệu Ban Thư ký ASEAN, Báo cáo số liệu ASEAN 2025.

cung ứng khu vực và toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất - lắp ráp, nông sản, dịch vụ và logistics.

Năm 2015, các nước ASEAN đã nâng tầm quan hệ hợp tác, chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN theo Tuyên bố Kuala Lumpur 2015, trong đó gồm 3 trụ cột là Chính trị-An ninh, Kinh tế, và Văn hóa-Xã hội. Cộng đồng Kinh tế ASEAN là mô hình kết nối kinh tế khu vực dựa trên các cơ chế liên kết kinh tế sẵn có của ASEAN, qua đó các nước ASEAN đặt mục tiêu hình thành một thị trường và cơ sở sản xuất chung, bảo đảm lưu chuyển tự do hơn đối với hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề và dòng vốn trong nội khối, qua đó nâng cao kết nối, tính cạnh tranh và sức hấp dẫn kinh tế của khu vực.

Để cụ thể hóa mục tiêu vừa nêu, các nước ASEAN đã xây dựng Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Kinh tế ASEAN đến 2025 (KHTT) làm văn kiện định hướng chiến lược cho hợp tác kinh tế ASEAN. Sau 10 năm thực hiện KHTT, Cộng đồng Kinh tế ASEAN đã không ngừng phát triển và trở thành một cộng đồng kinh tế hội nhập sâu rộng. Báo cáo sơ bộ công tác triển khai KHTT đã ghi nhận những kết quả tích cực, với tỉ lệ thực hiện các dòng hành động trong KHTT của Cộng đồng Kinh tế tính đến tháng 12 năm 2025 là 98%, đồng thời chỉ ra các nỗ lực chung của Cộng đồng đã mang lại tác động kinh tế đáng kể cho các nước thành viên.

So sánh số liệu thống kê của Ban Thư ký ASEAN các năm 2015 và năm 2024, 2025 cho thấy: ASEAN từ nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới đã vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới; tổng GDP của ASEAN đã tăng trung bình 4,15% mỗi năm, từ 2,5 nghìn tỉ USD năm 2015 lên 4,16 nghìn tỉ USD vào năm 2025 (GDP danh nghĩa ước tính); GDP bình quân đầu người tăng từ 3.997 USD lên 6.013 USD; tổng thương mại hàng hóa từ 2,3 nghìn tỉ USD năm 2015 lên 4,38 nghìn tỉ USD năm 2025; thương mại dịch vụ tăng từ 642,2 tỉ USD lên 1,2 nghìn tỉ USD vào năm 2024; dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ASEAN tăng trung bình 10% mỗi năm, từ 115,4 tỉ USD năm 2015 lên mốc 230,8 tỉ USD năm 2024. Nhiều thỏa thuận và hiệp định quan trọng được triển khai hiệu quả hoặc nâng cấp, ký kết mới như Cơ chế một cửa ASEAN, Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) nâng cấp, Hiệp định Thương mại Dịch vụ ASEAN (ATISA), Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA), Hiệp định khung về Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, Chương trình hợp tác Công nghiệp ASEAN, Lộ trình Hội nhập Tiền tệ và Tài chính, Hiệp định khung ASEAN về Kinh tế số (DEFA, hoàn thành cơ bản năm 2025, dự kiến kết thúc đàm phán và ký kết trong năm 2026), Hiệp định khung ASEAN về Cạnh tranh, v.v. Về hội nhập kinh tế ngoại khối, ASEAN hiện đang thực thi 7 Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với các nước đối tác bao gồm Trung Quốc (ACFTA), Nhật Bản (AJCEP), Hàn Quốc (AKFTA), Ấn Độ (AIFTA), Ôtx-trây-li-a-Niu Di-lân (AANZFTA), Hồng Kông (Trung Quốc) (AHKFTA), và mới đây nhất là Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) có hiệu lực từ năm 2022.

Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động phức tạp và thế giới ngày càng phân cực, khả năng thay đổi dòng chảy thương mại và dịch chuyển các chuỗi

cung ứng, phát triển công nghệ và chuyển đổi số đang định hình lại nền kinh tế thế giới, thay đổi nhân khẩu học cùng nhiều yếu tố tác động bên ngoài như biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, chặng đường phía trước đặt ra cho Cộng đồng Kinh tế ASEAN nhiều cơ hội cũng như thách thức mới chưa từng có, đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo và nhu cầu hợp tác chặt chẽ hơn nữa. ASEAN nhận thức rõ sự cần thiết của việc tăng cường hội nhập kinh tế sâu rộng, nâng cao khả năng thích ứng để ứng phó với các thách thức đa chiều; phấn đấu trở thành một nền kinh tế thống nhất và sẵn sàng cho tương lai, lấy tăng trưởng bền vững làm nền tảng, được thúc đẩy bởi công nghệ tiên tiến, chủ động nắm bắt các cơ hội mới nổi, đồng thời đảm bảo tính bao trùm và phát triển bền vững lồng ghép xuyên suốt trong mọi khía cạnh của quá trình hội nhập kinh tế.

Trên cơ sở các kết quả đã đạt được trong 10 năm triển khai KHTT và hướng tới triển vọng ASEAN trở thành nền kinh tế lớn thứ tư thế giới vào năm 2030, Cộng đồng Kinh tế ASEAN đã xây dựng “Kế hoạch Chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2026-2030, tầm nhìn 2045”, được các Lãnh đạo ASEAN thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 46 diễn ra vào tháng 5 năm 2025 tại Kuala Lumpur, Malaysia. Văn kiện đề ra các lĩnh vực hợp tác kinh tế trọng tâm và các hoạt động cụ thể từ 2025 đến 2045, rà soát theo chu kỳ 05 năm. Trong đó, các nước ASEAN đã xác định được 6 định hướng chiến lược, hướng tới xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN trở thành:

(1) một cộng đồng định hướng hành động: hướng tới mục tiêu một thị trường chung duy nhất - cơ sở sản xuất thống nhất, thúc đẩy thương mại hàng hóa hóa nội khối ASEAN, thương mại dịch vụ, đầu tư, tài chính và di chuyển thể nhân;

(2) một cộng đồng bền vững: lồng ghép các yếu tố và chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tại tất cả các lĩnh vực hợp tác kinh tế;

(3) một cộng đồng dám nghĩ, dám làm, táo bạo và đổi mới: tăng cường hợp tác theo ngành, đa lĩnh vực như chuyển đổi số và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng;

(4) một cộng đồng chủ động và thích ứng: tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc kinh tế khu vực nâng cao vị thế ASEAN trong chuỗi giá trị toàn cầu;

(5) một cộng đồng nhanh nhẹn và tự cường: hướng đến một cộng đồng kinh tế có chất lượng và khả năng thích ứng cao trước các biến động toàn cầu;

(6) một cộng đồng hòa nhập, cùng tham gia và hợp tác: xây dựng ASEAN lấy con người làm trung tâm, không bỏ lại ai ở phía sau.

3. Bối cảnh trong nước

ASEAN hiện là một trong những đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam, vừa là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư, vừa là nguồn nhập khẩu lớn thứ ba của

Việt Nam; đồng thời là một trong những khu vực có số lượng dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn tại Việt Nam, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo việc làm cho người lao động. Quan hệ hợp tác trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN đã góp phần tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng khu vực, từng bước mở rộng sang các lĩnh vực mới như thương mại điện tử, kinh tế số và đổi mới sáng tạo.

Nền kinh tế Việt Nam cũng đã có bước những phát triển vượt bậc so với thời điểm gia nhập ASEAN vào năm 1995. Nếu như năm 1995, quy mô GDP của Việt Nam mới đạt khoảng 20,7 tỉ USD, GDP bình quân đầu người chưa đến 300 USD, thì đến năm 2025, Việt Nam đã trở thành nền kinh tế có quy mô lớn thứ 4 trong ASEAN và đứng thứ 33 thế giới, với quy mô GDP đạt 514 tỉ USD, tăng gấp gần 25 lần so với năm 1995 và GDP bình quân đầu người khoảng 5.026 USD, chính thức gia nhập nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao. Về hợp tác thương mại với ASEAN, theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, năm 2025, kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam – ASEAN đạt 90,59 tỉ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu đạt 38,39 tỉ USD và Việt Nam nhập khẩu đạt 52,20 tỉ USD. Tính chung, tổng kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng gấp gần 28 lần so với thời điểm Việt Nam mới gia nhập ASEAN (3,26 tỉ USD vào năm 1995), khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của ASEAN trong chiến lược hội nhập và phát triển kinh tế của Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nhìn chung vẫn còn khoảng cách so với một số nước dẫn đầu trong ASEAN; năng suất lao động, trình độ công nghệ, mức độ tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, cũng như năng lực đổi mới sáng tạo của nhiều ngành, lĩnh vực còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn gặp khó khăn trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về quản trị, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. Cùng với đó, các yêu cầu mới về giảm phát thải, kinh tế tuần hoàn, an ninh chuỗi cung ứng và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đang đặt ra những thách thức không nhỏ đối với năng lực thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, Bộ Chính trị đã ban hành nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, trong đó xác định hội nhập quốc tế là một “động lực chiến lược” và “ưu tiên then chốt, thường xuyên” để Việt Nam phát triển trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết đề ra các quan điểm chỉ đạo và các giải pháp lớn để triển khai hội nhập quốc tế theo hướng “đồng bộ, chủ động, tích cực, toàn diện, sâu rộng, chất lượng và hiệu quả”.

Trong giai đoạn tới, theo tinh thần các định hướng chiến lược được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Việt Nam tiếp tục đặt mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với nâng cao tính tự chủ và tự cường của nền kinh tế, qua đó tạo nền tảng để đất

nước phát triển bền vững trong giai đoạn tới. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Chương trình hành động quốc gia giai đoạn 2026-2035 có ý nghĩa hết sức quan trọng, nhằm vừa tận dụng tốt hơn các cơ hội từ thị trường ASEAN, vừa nâng cao năng lực nội tại, tăng sức cạnh tranh, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, đồng thời khẳng định hơn nữa vai trò và vị thế của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Việc xây dựng một Chương trình hành động cấp quốc gia để triển khai Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030, 2031-2035 là cần thiết để tạo căn cứ phối hợp giữa các Bộ, ngành, đơn vị liên quan triển khai hiệu quả hợp tác kinh tế ASEAN, đồng thời có cơ sở vững chắc từ các văn kiện khu vực và quốc gia.

2. Cơ sở chính trị và pháp lý

2.1 Văn kiện khu vực

Hiến chương ASEAN là văn kiện pháp lý nền tảng, quy định các mục tiêu và nguyên tắc của Hiệp hội, trong đó đặt ra yêu cầu cho các nước thành viên tuân thủ toàn bộ các nghĩa vụ của tư cách thành viên ASEAN. Tuyên bố Kuala Lumpur 2015 đã thành lập Cộng đồng ASEAN, chia làm 3 Cộng đồng Chính trị-An ninh, Kinh tế và Văn hóa-Xã hội. Các mục tiêu của Hiến chương bao gồm xây dựng một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất; nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực; thúc đẩy phát triển kinh tế đồng đều và bao trùm; tăng cường hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu; đồng thời bảo đảm phát triển bền vững, dựa trên luật lệ, minh bạch và hướng tới lợi ích của người dân ASEAN.

Tuyên bố Kuala Lumpur về “ASEAN 2045: Tương lai chung của chúng ta” là văn kiện quan trọng, đã được các nhà Lãnh đạo ASEAN ký kết tại Hội nghị Cấp cao lần thứ 46 vào ngày 26 tháng 5 năm 2025, chính thức thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045 cùng với các Kế hoạch Chiến lược sau 2025 cho bốn trụ cột: Chính trị - An ninh, Kinh tế, Văn hóa – Xã hội và Kết nối. Tuyên bố nhấn mạnh việc tăng cường khả năng tự cường của ASEAN, thúc đẩy các phản ứng tập thể, hiệu quả và đổi mới đối với các thách thức khu vực và toàn cầu...

Kế hoạch Chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2026-2030, tầm nhìn 2045, là một trong 4 văn kiện trụ cột của Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045, đề ra các lĩnh vực hợp tác kinh tế trọng tâm và các hoạt động cụ thể từ 2025 đến 2045, rà soát theo chu kỳ 05 năm, trong đó, các nước ASEAN đã xác định được 6 định hướng chiến lược, 54 mục tiêu, 194 biện pháp và 756 hoạt động cụ thể nhằm mục tiêu phát triển và nâng tầm Cộng đồng Kinh tế ASEAN hơn nữa.

2.2 Văn kiện trong nước

Chương trình hành động được xây dựng theo Đề án tổng thể định hướng xây dựng Chương trình hành động 2026-2035 triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045 và các Kế hoạch chiến lược về Chính trị-An ninh, Kinh tế, Văn hóa-Xã hội và Kết nối tại Tờ trình số 5552/BNG-ASEAN-m ngày 15 tháng 12 năm 2025, được Lãnh đạo Chính phủ phê duyệt tại công văn số 205/VPCP-QHQT ngày 14 tháng 01 năm 2026. Ngoài ra, ngày 10 tháng 3 năm 2026, Văn phòng Chính phủ cũng ra văn bản số 979/VPCP-QHQT thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch tổng thể Việt Nam tham gia hợp tác ASEAN năm 2026, trong đó yêu cầu Bộ Công Thương chủ trì, điều phối xây dựng Chương trình hành động triển khai trụ cột Kinh tế trong Quý I năm 2026 trên cơ sở chủ trương và định hướng lớn nêu trong Đề án tổng thể định hướng xây dựng Chương trình hành động triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045. Trên cơ sở đó, các Bộ, ngành liên quan chủ động xây dựng Kế hoạch/Chương trình hành động theo lĩnh vực phụ trách, đảm bảo lồng ghép hiệu quả các ưu tiên quốc gia trong lĩnh vực phụ trách vào tiến trình hợp tác ASEAN, hoàn thành trong Quý II/2026.

Chương trình hành động được xây dựng trên cơ sở hệ thống các Nghị quyết Kế hoạch chiến lược của Bộ Chính trị và văn bản chỉ đạo của Chính phủ, tiếp thu tinh thần của Văn kiện Đại hội Đảng XIV, thể hiện rõ định hướng, quyết tâm và tầm nhìn dài hạn của Việt Nam trong tiến trình phát triển quốc gia, hội nhập quốc tế nói chung và ASEAN nói riêng, đặc biệt là: (i) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; (ii) Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; (iii) Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 8/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030; (iv) Kết luận số 59-KL/TW ngày 8/8/2023 của Bộ Chính trị về hướng tham gia ASEAN đến năm 2030; và (v) Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo Quyết định số 47/2025/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp hoạt động của các cơ quan tham gia hợp tác ASEAN (trước đây là Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2009), Bộ Công Thương là cơ quan chủ trì, điều phối hoạt động của tất cả các cơ quan tham gia hợp tác ASEAN của Việt Nam trong Hội đồng Cộng đồng Kinh tế ASEAN, bao gồm hơn 50 nhóm công tác, cơ quan chuyên ngành, phụ trách nhiều phân ngành như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, tài chính, năng lượng, nông lâm nghiệp, khoáng sản, giao thông vận tải, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, du lịch, y tế, kinh tế tuần hoàn, v.v... Theo đó, việc triển khai Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN đòi hỏi sự tham gia chủ động, tích cực, có trách nhiệm và sự phối hợp đồng bộ của các bộ, ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2016–2025, Việt Nam đã nghiêm túc thực hiện các cam kết trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN; đồng thời từng bước lồng ghép mục tiêu hội nhập kinh tế khu vực vào chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách trong các lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, hải quan, thuận lợi hóa thương mại, đầu tư, cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn – quy chuẩn kỹ thuật, logistics, thương mại điện tử... được chú trọng, góp phần cải thiện môi trường đầu tư – kinh doanh, nâng cao mức độ minh bạch và khả năng dự đoán của chính sách. Cùng với đó, cơ chế phối hợp liên ngành do Bộ Công Thương chủ trì tiếp tục được duy trì hiệu quả; các cơ quan đầu mối của Việt Nam đã tham gia thường xuyên, trách nhiệm và thực chất vào hơn 50 nhóm công tác, ủy ban chuyên ngành thuộc trụ cột Cộng đồng Kinh tế ASEAN, qua đó nâng cao năng lực điều phối, tham mưu và triển khai cam kết.

Hội nhập kinh tế ASEAN trong giai đoạn vừa qua đã góp phần thúc đẩy thương mại, đầu tư và hội nhập chuỗi cung ứng khu vực; kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và các nước ASEAN tiếp tục tăng trưởng ổn định; một số lĩnh vực mới như logistics, kinh tế số và thương mại điện tử từng bước được hình thành và phát triển, tạo thêm dư địa tăng trưởng cho nền kinh tế. Nhận thức và năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về AEC được nâng cao thông qua các hoạt động tập huấn, đào tạo, trao đổi chính sách; đồng thời, mức độ quan tâm và tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề đối với tiến trình hội nhập kinh tế ASEAN đã có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn triển khai Cộng đồng Kinh tế ASEAN giai đoạn 2016–2025 cũng cho thấy một số hạn chế, khó khăn cần được tiếp tục quan tâm xử lý. Mức độ tận dụng cơ hội từ AEC giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương vẫn chưa đồng đều; nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn hạn chế về thông tin, nguồn lực và năng lực cạnh tranh để tham gia sâu vào thị trường ASEAN. Việc thực thi một số cam kết vẫn gặp vướng mắc do khác biệt về thể chế, quy trình quản lý và điều kiện nguồn lực; cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả triển khai còn cần tiếp tục hoàn thiện để bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời và hiệu quả. Trong khi đó, bối cảnh khu vực và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là xu thế chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, yêu cầu đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng cũng như các biến động kinh tế – địa chính trị toàn cầu, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực điều phối và triển khai cam kết hội nhập của Việt Nam.

Trong bối cảnh ASEAN tiếp tục triển khai Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN giai đoạn 2026–2030 với 6 định hướng chiến lược, 54 mục tiêu, 194 biện pháp và 756 hoạt động cụ thể, việc xây dựng và ban hành **“Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026–2030 và giai đoạn 2031–2036”** là yêu cầu khách quan và cấp thiết. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng và biện pháp của AEC phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam; tạo khuôn khổ thống nhất

để tổ chức triển khai, điều phối và giám sát việc thực hiện các cam kết; nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành và phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; tăng cường sự tham gia thực chất của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp; qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng bền vững, bảo đảm lợi ích quốc gia – dân tộc và khẳng định vai trò, vị thế của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN.

III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Chương trình hành động được xây dựng và triển khai theo chủ trương chung của Đề án tổng thể định hướng xây dựng Chương trình hành động triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045 và các Kế hoạch chiến lược về Chính trị-An ninh, Kinh tế, Văn hóa-Xã hội và Kết nối. Chương trình hành động cũng bám sát các quan điểm chỉ đạo cốt lõi, thể hiện tầm nhìn và cam kết của Việt Nam với một Cộng đồng ASEAN vững mạnh, thịnh vượng, với các quan điểm cụ thể sau:

Thứ nhất, Chương trình hành động đảm bảo vai trò chủ động, tích cực và có trách nhiệm của Việt Nam trong tiến trình xây dựng và triển khai các mục tiêu của Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đồng thời bảo đảm quán triệt đầy đủ các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế đất nước, bám sát các mục tiêu của Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045, các Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN và các cam kết, nghĩa vụ của Việt Nam trong ASEAN, qua đó cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.

Thứ hai, Chương trình hành động được xây dựng trên cơ sở lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của quá trình triển khai, hướng tới mục tiêu cuối cùng là nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, mở rộng cơ hội kinh doanh, việc làm và tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp và người dân; đồng thời bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế với phát triển bền vững, bao trùm và nâng cao an sinh xã hội.

Thứ ba, Chương trình hành động đề cao cách tiếp cận toàn diện, liên ngành và liên trụ cột, đồng thời chú trọng nâng cao hiệu quả thực thi, cơ chế theo dõi, đánh giá và điều chỉnh chính sách trong quá trình triển khai giữa cấp trung ương và cấp địa phương. Do đó, việc triển khai tại Việt Nam cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các Bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan, đảm bảo tính hiệu quả và tránh chồng chéo.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

1. Mục tiêu của Chương trình hành động

1.1 Mục tiêu chung: Hiện thực hóa các ưu tiên chiến lược của Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN giai đoạn 2026-2030 và giai đoạn 2031-2035, và tầm nhìn 2045 của ASEAN.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các mục tiêu, biện pháp và hoạt động của Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, hải quan, thuận lợi hóa thương mại, logistics, thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thành phố thông minh, hành lang kinh tế thế hệ mới,... bảo đảm hài hòa với cam kết trong ASEAN và thông lệ quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả điều phối liên ngành; củng cố năng lực của các cơ quan đầu mối tham gia các cơ chế hợp tác AEC; tăng cường tham vấn, chia sẻ thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp.

- Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tận dụng tốt hơn các cơ hội từ thị trường ASEAN; mở rộng đầu tư, thương mại và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực.

- Nâng cao nhận thức và năng lực hội nhập của các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành, nghề và doanh nghiệp; tăng cường chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong tiến trình hội nhập AEC.

- Hoàn thiện cơ chế theo dõi, đánh giá, giám sát việc triển khai các cam kết AEC; bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và khả năng điều chỉnh kịp thời chính sách khi bối cảnh khu vực và quốc tế; đồng thời lồng ghép triển khai các cam kết này với các mục tiêu, chiến lược phát triển quốc gia, đặc biệt là Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045, nhằm góp phần thực hiện hiệu quả các ưu tiên phát triển của đất nước.

- Tiếp tục nâng cao vị thế, vai trò và tiếng nói của Việt Nam trong ASEAN; đồng thời đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng và định hình các sáng kiến hợp tác kinh tế trong ASEAN và trong tiến trình xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN gắn kết, năng động, thích ứng, sáng tạo và bao trùm, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

2. Phạm vi và thời gian thực hiện

2.1. Phạm vi

Chương trình hành động được triển khai trên phạm vi cả nước, áp dụng đối với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan đầu mối tham gia hợp tác trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

2.2. Thời gian thực hiện

a) Giai đoạn 1: Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030

- Sáu tháng đầu năm 2026: hoàn thành việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 của các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình hành động và lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp trung ương và địa phương.

- Giai đoạn 2026-2030: Triển khai hiệu quả các hoạt động trọng tâm theo từng lĩnh vực.

- Năm 2028: Đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030.

- Năm 2030: Đánh giá cuối kỳ giai đoạn 1 việc triển khai Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035.

b) Giai đoạn 2: Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035

- Sáu tháng đầu năm 2031: ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035.

- Giai đoạn 2031-2035: Triển khai hiệu quả các hoạt động trọng tâm theo từng lĩnh vực.

- Năm 2032: Đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035.

- Năm 2035: Đánh giá cuối kỳ việc thực hiện Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035.

3. Nội dung thực hiện

Trên cơ sở các mục tiêu trên, căn cứ nội dung Kế hoạch Chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2026-2030, tầm nhìn 2045, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần xây dựng kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa và góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược sau đây (*Phụ lục phân công nhiệm vụ cụ thể ban hành kèm theo*):

Mục tiêu Chiến lược 1: Một cộng đồng định hướng hành động: Hướng tới mục tiêu một thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, dựa trên nguồn năng lực cạnh tranh mới.

Mục tiêu Chiến lược 2: Một cộng đồng bền vững: Lồng ghép các yếu tố, chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu trong tất cả các lĩnh vực hợp tác kinh tế.

Mục tiêu Chiến lược 3: Một cộng đồng dám nghĩ, dám làm, táo bạo và đổi mới.

Mục tiêu Chiến lược 4: Một cộng đồng chủ động và thích ứng: Tăng cường chương trình nghị sự ASEAN toàn cầu.

Mục tiêu Chiến lược 5: Một cộng đồng nhanh nhẹn và tự cường: Tăng cường năng lực cho Cộng đồng Kinh tế ASEAN và người dân ASEAN, để ứng phó với các cú sốc, áp lực, khủng hoảng và biến động.

Mục tiêu Chiến lược 6: Một cộng đồng hòa nhập, cùng tham gia và hợp tác: Kiến tạo ASEAN lấy con người làm trung tâm, không bỏ lại ai ở phía sau.

4. Các biện pháp hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động

4.1. Lồng ghép Kế hoạch chiến lược vào các cơ chế, chính sách và chương trình phát triển trong nước

- Tổ chức lồng ghép các mục tiêu, định hướng và hoạt động của Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án của các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, vừa phản ánh và thúc đẩy các ưu tiên, nhu cầu của doanh nghiệp, địa phương trong quá trình triển khai; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong mục tiêu chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách trong nước có liên quan để phù hợp với cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đồng thời gắn với yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia – dân tộc và phát triển bền vững.

4.2. Tăng cường hệ thống thông tin, báo cáo, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện

- Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống thu thập, chia sẻ thông tin, chế độ báo cáo, theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động ở các Bộ, ngành và địa phương.

- Hoàn thiện bộ chỉ tiêu và cơ chế đánh giá định kỳ nhằm bảo đảm việc giám sát, đánh giá được thực hiện một cách thường xuyên, khách quan, minh bạch; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để có giải pháp điều chỉnh phù hợp.

4.3. Thúc đẩy vận động, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Đẩy mạnh công tác vận động, huy động và lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, cũng như các cơ chế hỗ trợ trong khuôn khổ ASEAN và các đối tác, các tổ chức quốc tế, khu vực tư nhân và các nguồn hợp pháp khác.

- Bảo đảm việc phân bổ và sử dụng nguồn lực cho triển khai Chương trình hành động được thực hiện một cách hợp lý, hiệu quả, đúng mục tiêu, tránh chồng chéo, trùng lặp.

4.4. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp và phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị tham gia triển khai Chương trình hành động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hội nhập, quản lý và điều phối cho đội ngũ cán bộ làm công tác ASEAN ở các Bộ, ngành và địa phương thông qua đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm và tham gia các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN.

4.5. Tăng cường khai thác hiệu quả các FTA giữa ASEAN và đối tác (ASEAN+, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực - RCEP)

- Phát triển hệ sinh thái logistics tích hợp khu vực, tăng cường kết nối hạ tầng, dịch vụ và nền tảng số nhằm giảm chi phí thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp ASEAN tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực.

- Thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới trong ASEAN, thông qua hài hòa hóa quy định, tiêu chuẩn và tăng cường năng lực chuyển đổi số cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu thương mại trong nội khối, bao gồm dữ liệu hải quan, chứng nhận xuất xứ và tiêu chuẩn – quy chuẩn kỹ thuật, qua đó tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan và tuân thủ quy tắc xuất xứ.

4.6. Tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức về Cộng đồng ASEAN và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về Cộng đồng ASEAN nói chung và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045 nói riêng tới cán bộ, doanh nghiệp và người dân, với nội dung, hình thức phù hợp từng nhóm đối tượng.

- Thúc đẩy đối thoại và kết nối thông qua tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn về hợp tác ASEAN, đặc biệt trong những lĩnh vực Việt Nam, ASEAN và các đối tác cùng quan tâm và có lợi ích chung nhằm tăng cường trao đổi chính sách, chia sẻ kinh nghiệm và thúc đẩy hợp tác thực chất.

- Tăng cường sự tham gia, đồng hành và ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, tổ chức xã hội – nghề nghiệp và người dân đối với tiến trình hội nhập ASEAN và việc triển khai Chương trình hành động.

5. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và giai đoạn 2031-2035 do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các quy định pháp luật liên quan.

Ngoài ra, chương trình có thể huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, trợ giúp kỹ thuật của các đối tác bên trong và các nhà tài trợ quốc tế, song phương, khu vực và các nhà tài trợ trong nước.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Các Bộ, ngành là các cơ quan trực tiếp tham gia hợp tác ASEAN thuộc trụ cột Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 47/2025/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2025 bao gồm: Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước, và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động theo lĩnh vực phụ trách (theo Phụ lục của Chương trình hành động), đảm bảo lồng ghép hiệu quả các ưu tiên quốc gia trong lĩnh vực phụ trách vào tiến trình hợp tác ASEAN, hoàn thành trong Quý II/2026. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan thuộc các chương trình, kế hoạch của Chương trình hành động đã được phê duyệt trong giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035, đồng thời căn cứ nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động để xây dựng kế hoạch triển khai của từng ngành, làm cơ sở cho địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai ở cấp độ địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan để thực hiện đánh giá cuối kỳ giai đoạn 1 (2026-2030) và xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2031-2035 vào năm 2030, đồng thời thực hiện đánh giá cuối kỳ vào năm 2035.

- Tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, và các đối tác khác (gọi tắt là tổ chức) tham gia vào quá trình xây dựng, triển khai thực hiện, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động trên cơ sở phù hợp chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

- Chủ trì ban hành hướng dẫn triển khai cho các địa phương (bao gồm mẫu biểu, hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo), nhằm bảo đảm thống nhất trong quá trình thực hiện, tăng cường theo dõi, đánh giá và tổng hợp kết quả triển khai trên phạm vi toàn quốc, qua đó nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương.

6.2. Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức thực hiện Chương trình hành động;
- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng năm, tổ chức đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện Chương trình hành động giai đoạn 1 (2026-2030), tổ chức tổng kết, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện Chương trình hành động giai đoạn 2 (2031-2035) và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

6.3. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành thuộc Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam bố trí kinh phí thực hiện Chương trình hành động trong dự toán ngân sách hàng năm và kế hoạch trung hạn của các Bộ, ngành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các quy định pháp luật liên quan.
- Cung cấp số liệu, báo cáo tình hình kinh tế Việt Nam, số liệu về thương mại hai chiều và các chỉ tiêu khác giữa Việt Nam và ASEAN nhằm đánh giá thực hiện các mục tiêu.
- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành khác có liên quan vận động nguồn hỗ trợ phát triển chính thức để thực hiện Chương trình hành động.

6.4. Bộ Ngoại giao

Thúc đẩy thực hiện và huy động nguồn lực của ASEAN và các nước đối tác trong việc thực hiện Chương trình hành động.



PHỤ LỤC

Phân công các bộ, ngành chủ trì triển khai chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035 (Kèm theo Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
Mục tiêu chiến lược 1: MỘT CỘNG ĐỒNG ĐỊNH HƯỚNG HÀNH ĐỘNG			
Hướng tới mục tiêu một thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, dựa trên nguồn năng lực cạnh tranh mới			
Mục tiêu 1.1. Tăng cường thương mại hàng hóa nội khối ASEAN			
1.1.1.	Tăng cường thương mại nội khối ASEAN thông qua việc triển khai kịp thời và hiệu quả Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) và các bản nâng cấp tiếp theo, có tính đến các vấn đề mới và nổi trội phù hợp với môi trường sau năm 2025.	Chủ trì: CCA Phối hợp: Tất cả các cơ quan liên quan, bao gồm ATF-JCC, CCC, CPTFWG, SWG-AAMRA, SWG-ACTS, ACCSQ, AC-SPS, ACCED, ASWSC, SC-AROO, Cục Hải quan, TFWG, ACCMSME, và ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng
1.1.2.	Củng cố tạo thuận lợi thương mại hàng hóa bằng cách tăng cường sự minh bạch trong cơ chế, quy trình và thực tiễn, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực của các yếu tố rào cản trong các biện pháp phi thuế quan.	Chủ trì: ATF-JCC	Chủ trì: Bộ Công Thương
1.1.3.	Nâng cao việc sử dụng các cơ chế hiện có trong ATIGA đã được nâng cấp để giải quyết tranh chấp thương mại về hàng hóa giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN một cách kịp thời.	Chủ trì: ATF-JCC	Chủ trì: Bộ Công Thương

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
1.1.4.	Tăng cường thương mại nội khối ASEAN bằng cách tận dụng sự đổi mới của ASEAN và chương trình nghị sự hỗ trợ phát triển bền vững.	Chủ trì: CCA Hỗ trợ: CECWG, ATF-JCC, CPTFWG	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
1.1.5.	Đảm bảo phân loại hàng hóa nhất quán và hài hòa để tạo thuận lợi cho dòng chảy thông suốt của hàng hóa trong khu vực.	Chủ trì: CCC Hỗ trợ: CPTFWG và TSWG	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương
1.1.6.	Áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất về thuận lợi hóa thương mại và hải quan.	Đồng chủ trì: CCC, CPTFWG, và ATF-JCC Hỗ trợ: CECWG, CCBWG, CCA, AC-SPS, TSWG, SWG-AAMRA, SWG-ACTS, ACCSQ, ASEAN-BAC, và Cơ quan liên quan khác	Chủ trì: Bộ Tài chính Hỗ trợ: Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ
1.1.7.	Nâng cao hiệu quả của quy trình hải quan thông qua việc tăng cường các sáng kiến hải quan hiện có và tối ưu hóa việc sử dụng các công nghệ hiện đại.	Chủ trì: CCC Hỗ trợ: ASWSC	Chủ trì: Bộ Tài chính Hỗ trợ: Bộ Công Thương
1.1.8.	Tối ưu hóa lợi ích và hiệu quả của các biện pháp tạo thuận lợi thương mại khu vực cho các bên liên quan của AEC.	Chủ trì: ATF-JCC Hỗ trợ: ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Công Thương
1.1.9.	Phát triển các ngành mới một cách chiến lược để thúc đẩy bối cảnh thương mại nội khối ASEAN.	Chủ trì: HLTF-EI Hỗ trợ: ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Công Thương
Mục tiêu 1.2. Tăng cường hội nhập dịch vụ và năng lực cạnh tranh trong khu vực			
1.2.1.	Thúc đẩy thực hiện hiệu quả Hiệp định thương mại dịch vụ ASEAN (ATISA).	Chủ trì: CCS	Chủ trì: Bộ Tài chính
1.2.2.	Hướng tới các cam kết về dịch vụ chất lượng cao trong các FTA hiện có và trong tương lai mà có thể tạo điều	Chủ trì: CCS	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Tài chính

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
	kiện thuận lợi cho sự tham gia của ASEAN vào thương mại dịch vụ toàn cầu.		
1.2.3.	Nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ trong khu vực, bao gồm cả các ngành mới và đang nổi lên.	Chủ trì: CCS	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương
1.2.4.	Triển khai Khung tạo thuận lợi dịch vụ ASEAN (ASFF).	Chủ trì: CCS	Chủ trì: Bộ Tài chính
Mục tiêu 1.3. Đưa ASEAN trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn			
1.3.1.	Đảm bảo thực hiện hiệu quả và rộng rãi hơn các sáng kiến tự do hóa đầu tư của ASEAN.	Chủ trì: CCI Hỗ trợ: ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Tài chính
1.3.2.	Duy trì bảo hộ nhà đầu tư và khoản đầu tư của họ tại ASEAN.	Chủ trì: CCI	Chủ trì: Bộ Tài chính
1.3.3.	Nâng cấp và củng cố các nỗ lực xúc tiến đầu tư của ASEAN.	Chủ trì: CCI Hỗ trợ: ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Tài chính
1.3.4.	Không ngừng tăng cường tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh tại các quốc gia thành viên ASEAN.	Chủ trì: CCI	Chủ trì: Bộ Tài chính
1.3.5.	Thúc đẩy việc phổ biến các công cụ trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp tại ASEAN.	Chủ trì: CCI	Chủ trì: Bộ Tài chính
1.3.6	Thiết lập chiến lược toàn diện và chặt chẽ trong việc thúc đẩy thị trường vốn trong ASEAN.	Chủ trì: ACMF	Chủ trì: Bộ Tài chính
Mục tiêu 1.4. Thúc đẩy hội nhập tài chính và bao trùm			

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
1.4.1.	Tăng cường hội nhập tài chính thông qua việc tự do hóa hơn nữa các dịch vụ tài chính, hợp tác khu vực, tăng cường tính nhất quán về mặt quy định và áp dụng các thông lệ tốt nhất toàn cầu có liên quan.	Đồng chủ trì: WC-ABIF và WC-FSL Hỗ trợ: AIRM và ACCED	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
1.4.2.	Tự do hóa hơn nữa tài khoản vốn để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư và tài trợ xuyên biên giới.	Chủ trì: WC-CAL	Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Phối hợp: Bộ Tài chính
1.4.3.	Mở rộng và tăng cường kết nối thanh toán khu vực và thúc đẩy thanh toán bằng đồng nội tệ.	Đồng chủ trì: WC-PSS và WC-CAL	Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Phối hợp: Bộ Tài chính
1.4.4.	Đẩy mạnh tài chính toàn diện để tiếp cận những cộng đồng rộng lớn hơn đang gặp khó khăn, bao gồm cả những nhóm dân số không có tài khoản ngân hàng và không được bảo hiểm.	Chủ trì: WC-FINC Hỗ trợ: AIRM, WC-PSS, và SOM-AMAF	Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Phối hợp: Bộ Tài chính
1.4.5.	Nâng cao khả năng kết nối liên mạch của thị trường tài chính.	Chủ trì: WC-CMD Hỗ trợ: ACMF	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Mục tiêu 1.5. Tạo thuận lợi cho dịch chuyển của doanh nghiệp và người lao động			
1.5.1.	Xây dựng và thực hiện các chương trình và sáng kiến tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển của cá nhân trong khu vực. ¹	Chủ trì: CCS Hỗ trợ: ACCED, ASEAN-BAC, và DGICM	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Nội vụ, Bộ Công an
1.5.2.	Tận dụng Hiệp định ASEAN về Di chuyển Thẻ nhân (MNP) để tạo điều kiện thuận lợi cho sự di chuyển của nhân tài trong khu vực.	Chủ trì: CCS	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Nội vụ, Bộ Công an

¹ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (APSC).

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
1.5.3.	Tạo điều kiện thuận lợi cho các chuyên gia di chuyển trong khu vực, đối với các ngành có tiềm năng cao và nhu cầu lớn về các chuyên gia cụ thể.	Chủ trì: CCS Hỗ trợ: ACCED và ASEAN-BAC.	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Nội vụ, Bộ Công an
1.5.4.	Rà soát các thỏa thuận và sáng kiến liên quan đến di chuyển và xem xét xây dựng các Thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) mới trong các lĩnh vực có tiềm năng tạo ra giá trị gia tăng cao.	Đồng chủ trì: CCS và Hội đồng AQRF Hỗ trợ: ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Nội vụ
Mục tiêu 1.6. Huy động các nguồn lực cạnh tranh mới			
1.6.1	Thúc đẩy tiềm năng của các ngành chiến lược mới nổi để nâng cao tiềm năng tăng trưởng của ASEAN.	HLTF-EI sẽ xác định cơ quan chuyên trách	Chủ trì: Bộ Công Thương
Mục tiêu 1.7. Nâng cao tính minh bạch, quản trị tốt và thực hành quản lý hiệu quả			
1.7.1	Lồng ghép nguyên tắc minh bạch, quản trị tốt và thực hành quản lý hiệu quả trong mọi sáng kiến, hoạt động của AEC.	Đồng chủ trì: tất cả các cơ quan chuyên ngành của AEC	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: các Bộ, ngành
Mục tiêu 1.8. Thúc đẩy hài hòa hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp			
1.8.1.	Tăng cường và đẩy nhanh các biện pháp tiếp cận chung của ASEAN về nỗ lực hài hòa hóa tiêu chuẩn hướng tới phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và tìm hiểu sự phát triển của các tiêu chuẩn ASEAN.	Chủ trì: ACCSQ	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
1.8.2.	Mở rộng các sáng kiến về tiêu chuẩn và sự phù hợp để thúc đẩy phát triển trong các lĩnh vực mới thành lập nhằm tăng cường kết nối và hội nhập thông qua tiến bộ công nghệ và phát triển bền vững.	Chủ trì: ACCSQ Hỗ trợ: ACMF, SLC, AIRM, và WC-CMD	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
1.8.3.	Xây dựng cơ chế rà soát để đảm bảo tính hiệu quả và việc sử dụng các tiêu chuẩn và công cụ tuân thủ của ASEAN.	Chủ trì: ACCSQ	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
1.8.4.	Tăng cường thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp trong ASEAN.	Chủ trì: ACCSQ	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
1.8.5.	Tăng cường các phương pháp tiếp cận chung của ASEAN về các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và sự tuân thủ để đại diện và tham gia hiệu quả vào các tổ chức quốc tế và khu vực cũng như các thỏa thuận công nhận liên quan.	Chủ trì: ACCSQ	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 2. MỘT CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG			
Lồng ghép các yếu tố, chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu trong tất cả các lĩnh vực hợp tác kinh tế			
Mục tiêu 2.1. Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ nhằm khai mở tiềm năng kinh tế xanh, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy phi các-bon hóa trong chuỗi cung ứng khu vực			
2.1.1.	Phát triển phương pháp tiếp cận thực tế và chiến lược để giám sát phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất. ²	Đồng chủ trì: SOME và SOM-AMAF Hỗ trợ: ATF-CN, ASOF, ASOEN, AWGCC, và AWGCW	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (nông lâm nghiệp) Phối hợp: Bộ Công Thương (năng lượng)
2.1.2.	Thúc đẩy chuỗi cung ứng kinh tế tuần hoàn khu vực thông qua chương trình nâng cao nhận thức và chia sẻ thông lệ tốt, dành cho các đối tượng liên quan quan trọng của ASEAN. ³	Chủ trì: FG-CE Hỗ trợ: SOM-AMAF, ASOF, SOME, ASOMM, SEOM, ASOEN, ACCC, và ACSDS	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Công Thương
2.1.3.	Thúc đẩy niềm tin của người tiêu dùng đối với các hoạt động tiêu dùng bền vững.	Chủ trì: ACCP Hỗ trợ: Cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Công Thương

² Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC).

³ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC) và Kết nối ASEAN.

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
2.1.4.	Thúc đẩy sự công nhận chung và khả năng kết nối giữa các thị trường carbon trong ASEAN.	Đồng chủ trì: ATF-CN và WC-CMD Hỗ trợ: ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Tài chính
2.1.5.	Tăng cường cung cấp dịch vụ xanh trong khu vực.	Đồng chủ trì: CCS và ATF-CN	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương
Mục tiêu 2.2. Tăng cường chuyển đổi năng lượng công bằng và bao trùm			
2.2.1.	Thúc đẩy hiệu quả và bảo tồn năng lượng để giảm đáng kể cường độ năng lượng.	Chủ trì: SOME	Chủ trì: Bộ Công Thương
2.2.2.	Khuyến khích tăng trưởng năng lượng tái tạo (RE) trong cơ cấu năng lượng của ASEAN, bao gồm tăng tỷ trọng RE trong công suất điện lắp đặt.	Chủ trì: SOME	Chủ trì: Bộ Công Thương
2.2.3.	Tối ưu hóa vai trò của các công nghệ khử cacbon trong việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang phát thải bền vững và thấp hơn.	Chủ trì: SOME	Chủ trì: Bộ Công Thương
2.2.4.	Thúc đẩy phát triển và triển khai các dự án thu giữ, sử dụng và lưu trữ carbon (CCUS).	Chủ trì: SOME Hỗ trợ: ACMF, SLC, AIRM, và WC-CMD	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính
Mục tiêu 2.3. Thúc đẩy phát triển bền vững các ngành công nghiệp khai thác			
2.3.1.	Thúc đẩy việc thực hiện toàn diện và tiến bộ các nguyên tắc phát triển khoáng sản bền vững và các thông lệ tiên tiến tại tất cả các quốc gia thành viên ASEAN để cải thiện dần dần các kết quả về quản trị và kinh tế, xã hội và môi trường.	Chủ trì: ASOMM Hỗ trợ: ACMF, AIRM, SLC, và WC-CMD	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Phối hợp: Bộ Công Thương
Mục tiêu 2.4. Thúc đẩy thực hành nông nghiệp và quản lý rừng bền vững			

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
2.4.1.	Thực hiện các phương pháp tiếp cận nông nghiệp bền vững dựa trên Thực hành nông nghiệp tốt, Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt và Thực hành chăn nuôi tốt.	Chủ trì: SOM-AMAF	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2.4.2.	Tối ưu hóa các công nghệ mới và phù hợp, các biện pháp thực hành tốt nhất và hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và giải quyết các vấn đề về sức khỏe/bệnh tật và môi trường, đặc biệt là trong lĩnh vực thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp đang phát triển nhanh chóng.	Chủ trì: SOM-AMAF Hỗ trợ: COSTI, ACCSQ	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ
2.4.3.	Giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động nông nghiệp đến tài nguyên thiên nhiên như đất, rừng và nước để đảm bảo tính bền vững.	Chủ trì: SOM-AMAF	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2.4.4.	Tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý rừng bền vững để bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và sinh kế.	Chủ trì: ASOF	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2.4.5.	Cải thiện quy trình, năng suất và công nghệ để đảm bảo an toàn, chất lượng và tuân thủ các tiêu chuẩn thị trường toàn cầu về thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp.	Chủ trì: SOM-AMAF Hỗ trợ: ACCSQ	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ
2.4.6	Tăng cường hợp tác trong sản xuất và thúc đẩy thực phẩm và sản phẩm halal.	Chủ trì: SOM-AMAF Hỗ trợ: ACCSQ	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương.
Mục tiêu 2.5. Tạo điều kiện cho du lịch bền vững và toàn diện			

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
2.5.1.	Thúc đẩy việc áp dụng các nguyên tắc, tiêu chuẩn, sáng kiến về du lịch bền vững của ASEAN	Chủ trì: NTO	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.5.2.	Phát triển mạng lưới hành lang du lịch để thúc đẩy các địa điểm du lịch thiên nhiên phong phú của khu vực.	Chủ trì: NTO	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Mục tiêu 2.6. Nâng cao tài chính và đầu tư bền vững			
2.6.1.	Xác định và giải quyết các trở ngại và hạn chế đối với đầu tư vào các lĩnh vực xanh.	Chủ trì: CCI	Chủ trì: Bộ Tài chính
2.6.2.	Tăng cường thực hiện hiệu quả các công cụ tài chính bền vững hiện có.	Đồng chủ trì: SLC, WC-CMD, ACMF, và AIRM	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2.6.3.	Phát triển các cơ chế, giải pháp và cấu trúc tài chính sáng tạo nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi công bằng, hợp lý về chi phí, đáng tin cậy và có trật tự trong khu vực.	Đồng chủ trì: WC-CMD, AIRM, SLC, và ACMF	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2.6.4.	Thúc đẩy hợp tác khu vực nhằm lồng ghép rộng rãi các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị (ESG).	Đồng chủ trì: SLC, WC-CMD, ACMF, và AIRM Hỗ trợ: ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2.6.5.	Tăng cường cam kết tài chính cho quá trình giảm phát thải và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. ⁴	Chủ trì: AFCDM-WG Hỗ trợ: ASOEN và AWGCW	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

⁴ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Văn hóa-Xã hội (ASCC).

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
Mục tiêu 2.7. Thúc đẩy hợp tác về kinh tế biển xanh liên quan đến AEC như một động lực mới của tăng trưởng kinh tế toàn diện và bền vững			
2.7.1.	Thúc đẩy việc tạo ra giá trị gia tăng và chuỗi giá trị của các nguồn tài nguyên từ đại dương, biển và nước ngọt. ⁵	Đồng chủ trì: ACTF-BE và SOM-AMAF Hỗ trợ: ACMF, AIRM, SLC, WC-CMD, và ASWGFi	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Công Thương
2.7.2.	Thúc đẩy thực hành phát triển kinh tế biển một cách bền vững và bao trùm tại ASEAN. ⁶	Chủ trì: ACTF-BE và Cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Công Thương
2.7.3.	Tăng cường hợp tác trong phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).	Chủ trì: SOM-AMAF	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng
2.7.4.	Thúc đẩy hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế biển. ⁷	Đồng chủ trì: ACTF-BE và COSTI	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ
2.7.5.	Bảo đảm triển khai hiệu quả các nội dung kinh tế trong Khung kinh tế biển xanh ASEAN. ⁸	Chủ trì: ACTF-BE	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

⁵ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (Kinh tế biển xanh)⁶ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (Kinh tế biển xanh)⁷ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (Kinh tế biển xanh)⁸ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (Kinh tế biển xanh)

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
			Phối hợp: Bộ Công Thương
Mục tiêu 2.8. Nâng cao nhận thức và năng lực cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý, tổ chức tài chính và nhà hoạch định chính sách ASEAN hướng tới chuyển đổi xanh			
2.8.1.	Nâng cao năng lực của doanh nghiệp và các tổ chức tài chính trong việc lồng ghép các hoạt động xanh và bền vững vào hoạt động kinh doanh.	Đồng chủ trì: ACCMSME và ACMF Hỗ trợ: ASOMM, WG-CBM, SLC, và ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2.8.2.	Cung cấp các ưu đãi và cơ chế hỗ trợ để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và tổ chức tài chính chuyển đổi sang các hoạt động xanh.	Đồng chủ trì: ACCMSME và SLC Hỗ trợ: ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2.8.3.	Khuyến khích chia sẻ các thông lệ tốt nhất để giải quyết rủi ro và cơ hội về khí hậu giữa các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách.	Chủ trì: SLC	Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mục tiêu 2.9. Thúc đẩy an ninh năng lượng, khả năng chi trả và tính bền vững			
2.9.1.	Thúc đẩy các chính sách và khuôn khổ thuận lợi để thu hút đầu tư của khu vực tư nhân hỗ trợ đa dạng hóa năng lượng.	Chủ trì: SOME	Chủ trì: Bộ Công Thương
2.9.2.	Triển khai công nghệ năng lượng tiên tiến, sạch hơn và ít carbon bằng cách kết hợp tùy chọn năng lượng hạt nhân dân sự để đa dạng hóa năng lượng và ổn định nguồn cung cấp.	Chủ trì: SOME	Chủ trì: Bộ Công Thương

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
2.9.3.	Tăng cường quan hệ đối tác giữa các bên liên quan để thúc đẩy đổi mới và thương mại hóa các công nghệ năng lượng mới.	Chủ trì: SOME	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ
Mục tiêu 2.10. Thúc đẩy di chuyển thông minh và bền vững			
2.10.1.	Thúc đẩy hợp tác khu vực để thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp di chuyển thông minh và bền vững.	Chủ trì: STOM	Chủ trì: Bộ Xây dựng
MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 3. MỘT CỘNG ĐỒNG DÁM NGHĨ, DÁM LÀM, TÁO BẠO VÀ ĐỔI MỚI			
Mục tiêu 3.1. Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số và công nghệ			
3.1.1.	Thúc đẩy tiềm năng công nghiệp khu vực thông qua tăng cường phối hợp, tăng cường chuyển giao kiến thức và hợp tác công nghệ xuyên biên giới liền mạch.	Đồng chủ trì: ADGSOM, COSTI và FG-GVC	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Công Thương ⁹
3.1.2.	Thúc đẩy giao dịch thương mại xuyên biên giới không cần giấy tờ thông qua việc trao đổi liền mạch các chứng từ điện tử, bao gồm việc mở rộng khối lượng và loại chứng từ điện tử được chấp nhận thông qua Cơ chế một cửa ASEAN, cũng như tăng cường khả năng tương tác kỹ thuật với các đối tác ASEAN.	Đồng chủ trì: ACCED và ASWSC Hỗ trợ: CPTFWG, ADGSOM, và ASCP	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Tài chính
3.1.3.	Xác định và giải quyết các trở ngại chính để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hậu cần thương mại	Chủ trì: ACCED	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Tài chính

⁹ Bộ Công Thương: chủ trì triển khai việc chuyển giao và ứng dụng công nghệ đối với các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao thuộc phạm vi quản lý của Bộ

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
	xuyên biên giới không cần giấy tờ hiệu quả trên toàn khu vực.		
3.1.4.	Phát triển các sáng kiến nhằm tăng cường trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, bao gồm các cơ quan hải quan, cơ quan bưu chính và các bên liên quan tư nhân để tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại kỹ thuật số xuyên biên giới liền mạch.	Chủ trì: ADGSOM Hỗ trợ: ASWSC, CPTFWG, CCC, và ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Công Thương
3.1.5.	Khuyến khích phát triển các hệ thống kỹ thuật số có khả năng tương tác, bao gồm cả hóa đơn điện tử, cũng như nhận dạng và xác thực kỹ thuật số.	Chủ trì: ADGSOM Hỗ trợ: ACCMSME và ACCED	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Công Thương
3.1.6.	Điều chỉnh các thông lệ khu vực với các chuẩn mực quốc tế để giảm bớt các rào cản liên quan đến việc áp dụng các công nghệ phù hợp.	Chủ trì: ADGSOM Hỗ trợ: ACCED	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Công Thương
3.1.7.	Thúc đẩy đổi mới sáng tạo khởi nghiệp thông qua hợp tác khu vực sâu rộng hơn.	Chủ trì: COSTI và ADGSOM Hỗ trợ: ACCMSME và ACCED	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Công Thương
3.1.8.	Thúc đẩy tăng trưởng kỹ thuật số có trách nhiệm thông qua các quy định và thực thi toàn diện giúp tạo điều kiện cho luồng dữ liệu xuyên biên giới an toàn và liền mạch, đảm bảo bảo vệ dữ liệu cho mục đích kinh	Đồng chủ trì: ADGSOM và ASEAN Cyber-CC Hỗ trợ: ACCED	Chủ trì: Bộ Công an Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
	doanh và tăng cường an toàn trực tuyến và an ninh mạng.		
3.1.9.	Tạo điều kiện và thúc đẩy tính di động của nhân tài kỹ thuật số và xây dựng nhân tài.	Chủ trì: ACCED Hỗ trợ: CCS, ADGSOM, COSTI	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ
3.1.10.	Áp dụng và thúc đẩy nguyên tắc trung lập về công nghệ.	Chủ trì: ADGSOM, COSTI Hỗ trợ: COSTI	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Công Thương
3.1.11.	Tăng cường phát triển tài năng về công nghệ tiên tiến và đổi mới thông qua việc nâng cao và đào tạo lại, bao gồm chuỗi giá trị số và kiến thức số.	Đồng chủ trì: ADGSOM, COSTI Hỗ trợ: COSTI và ACCMSME, ACCED	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ tài chính, Bộ Công Thương
3.1.12.	Áp dụng và thúc đẩy phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng và phối hợp để quản lý trí tuệ nhân tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo.	Chủ trì: ADGSOM Hỗ trợ: COSTI, ACCED, và ACSS	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Công an
3.1.13	Xu hướng chính của quá trình khử carbon trong chuyển đổi kỹ thuật số và công nghệ. ¹⁰	Chủ trì: ADGSOM	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ

¹⁰ Nhiệm vụ liên ngành với Cộng đồng ASCC.

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
		Hỗ trợ: SOME (Energy), STOM (Transport), SEOM (Industry), ACCSQ (Standards) và ASOEN (Environment)	Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3.1.14.	Thu hẹp khoảng cách số thông qua khả năng chi trả và tiếp cận toàn diện cho các giải pháp công nghệ và viễn thông.	Chủ trì: ADGSOM Hỗ trợ: ACCED	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo
3.1.15.	Giải quyết các trở ngại trong thương mại điện tử do hoạt động buôn bán bất hợp pháp thông qua tăng cường hợp tác giữa các quan chức chính phủ, ngành công nghiệp tư nhân và các quan chức thực thi pháp luật. ¹¹	Chủ trì: ACCED Hỗ trợ: SOMTC, ADGSOM	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an
3.1.16.	Thúc đẩy việc thiết lập một mã số nhận dạng doanh nghiệp duy nhất có thể so sánh và nhận dạng được trong khu vực để cho phép các giao dịch kinh doanh xuyên biên giới diễn ra liền mạch.	Chủ trì: ACCMSME Hỗ trợ: ADGSOM, SEOM	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ
Mục tiêu 3.2. Tăng cường hệ sinh thái đổi mới sáng tạo			
3.2.1.	Thúc đẩy đổi mới CNTT, tinh thần kinh doanh và phát triển công nghệ, bao gồm cả thành phố thông minh, dữ liệu lớn và phân tích.	Chủ trì: ADGSOM và COSTI Hỗ trợ: SEOM	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Công Thương

¹¹ Nhiệm vụ liên ngành với Cộng đồng APSC.

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
3.2.2.	Thúc đẩy chia sẻ kiến thức, thông tin và các hoạt động thực hành tốt nhất về chiến lược việc làm để đảm bảo khả năng cạnh tranh của người lao động trong bối cảnh thế giới việc làm đang thay đổi.	Đồng chủ trì: Hội đồng ASEAN TVET Hỗ trợ: A4IR-TFG và ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Bộ Nội vụ và Bộ Công Thương
3.2.3.	Khuyến khích việc áp dụng và phổ biến các sáng kiến và công nghệ như Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn và công nghệ đám mây, trí tuệ nhân tạo, công nghệ lượng tử, điện toán hiệu suất cao, thực tế ảo và thực tế tăng cường, sản xuất phụ gia và công nghệ sinh học.	Đồng chủ trì: COSTI và ADGSOM	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
3.2.4.	Triển khai các giải pháp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thúc đẩy tăng trưởng trong các ngành công nghiệp chủ chốt có tiềm năng chuyển đổi như chăm sóc sức khỏe, tuần hoàn và chuỗi giá trị số.	Đồng chủ trì: COSTI và ADGSOM Hỗ trợ: SEOM, ASOEN, và SOMHD (theo định hướng FG-CE)	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Y tế, Bộ Công Thương ¹² và các cơ quan liên quan
3.2.5.	Tăng cường sự hợp tác giữa các học viện, viện nghiên cứu, mạng lưới các trung tâm xuất sắc và khu vực tư nhân để thiết lập một hệ sinh thái hiệu quả cho phát triển năng lực, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa chiến lược.	Đồng chủ trì: COSTI Hỗ trợ: SEOM, ACCMSME	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Công Thương

¹² Bộ Công Thương: chủ trì triển khai việc chuyển giao và ứng dụng công nghệ đối với các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao thuộc phạm vi quản lý của Bộ

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
3.2.6.	Tăng cường trao đổi các nhà khoa học và nhà nghiên cứu từ các tổ chức khoa học và công nghệ trong khu vực công và tư nhân.	Chủ trì: COSTI Hỗ trợ: CCS, và ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
3.2.7.	Thiết lập các hệ thống hỗ trợ sáng tạo để thúc đẩy và quản lý các doanh nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới khu vực phát sinh từ các công ty con và liên doanh.	Chủ trì: COSTI Hỗ trợ: ACCMSME, ADGSOM, và ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Tài chính
3.2.8.	Đẩy nhanh tiến bộ trong công nghệ vũ trụ thông qua nghiên cứu và phát triển năng lực trong lĩnh vực địa tin học, vệ tinh và các ứng dụng khác.	Chủ trì: COSTI	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
Mục tiêu 3.3. Thúc đẩy thị trường công bằng trong khu vực			
3.3.1.	Tăng cường chế độ cạnh tranh quốc gia.	Chủ trì: AEGC	Chủ trì: Bộ Công Thương
3.3.2.	Thúc đẩy hợp tác khu vực để thực thi hiệu quả và hội tụ luật và chính sách cạnh tranh.	Chủ trì: AEGC	Chủ trì: Bộ Công Thương
3.3.3.	Xây dựng văn hóa cạnh tranh trong khu vực.	Chủ trì: AEGC	Chủ trì: Bộ Công Thương
3.3.4.	Thúc đẩy thị trường công bằng tại ASEAN hướng tới tăng trưởng bền vững, toàn diện và có khả năng phục hồi.	Chủ trì: AEGC	Chủ trì: Bộ Công Thương
Mục tiêu 3.4. Nâng cao năng lực và bảo vệ phúc lợi người tiêu dùng ASEAN			
3.4.1.	Tăng cường chế độ bảo vệ người tiêu dùng quốc gia.	Chủ trì: ACCP	Chủ trì: Bộ Công Thương
3.4.2.	Thiết lập các tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng được chấp nhận trên toàn khu vực.	Chủ trì: ACCP	Chủ trì: Bộ Công Thương

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
3.4.3.	Thúc đẩy hợp tác xuyên biên giới trong khu vực về bảo vệ người tiêu dùng.	Chủ trì: ACCP	Chủ trì: Bộ Công Thương
3.4.4.	Nuôi dưỡng văn hóa trao quyền cho người tiêu dùng thông qua việc nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và áp dụng rộng rãi hơn các hoạt động thực hành công bằng của doanh nghiệp.	Chủ trì: ACCP	Chủ trì: Bộ Công Thương
3.4.5.	Giải quyết các thách thức về bảo vệ người tiêu dùng phát sinh từ thời đại kỹ thuật số và các xu hướng mới nổi khác.	Chủ trì: ACCP	Chủ trì: Bộ Công Thương
Mục tiêu 3.5. Thúc đẩy hệ sinh thái sở hữu trí tuệ (IP) hiệu quả, năng động và toàn diện trong khu vực ASEAN			
3.5.1.	Tăng cường hiệu quả của các chế độ sở hữu trí tuệ quốc gia để kích thích tăng trưởng kinh tế, cho phép thích ứng với các biện pháp công nghệ mới và các xu hướng mới nổi.	Chủ trì: AWGIPC	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
3.5.2.	Hài hòa hóa khuôn khổ pháp lý và thúc đẩy các nền tảng và thể chế khu vực về quyền sở hữu trí tuệ (IPR).	Chủ trì: AWGIPC	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
3.5.3.	Thúc đẩy việc tạo ra, quản lý và thương mại hóa tài sản trí tuệ cho tăng trưởng kinh tế.	Chủ trì: AWGIPC	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
3.5.4.	Thúc đẩy văn hóa ASEAN tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.	Chủ trì: AWGIPC	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
3.5.5.	Thúc đẩy sở hữu trí tuệ vì sự tăng trưởng bền vững và toàn diện ở ASEAN.	Chủ trì: AWGIPC	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
Mục tiêu 3.6. Khai thác tiềm năng của nền kinh tế sáng tạo			
3.6.1.	Tối ưu hóa tiềm năng của nền kinh tế sáng tạo trong khu vực.	Cơ quan thực hiện: ¹³ ACCMSME, NTO, ADGSOM, AWGIPC, SEOM, SOMCA, và SOMRI	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ
3.6.2	Tăng cường liên kết và hình thành không gian hợp tác sáng tạo trong khu vực ASEAN.	Cơ quan thực hiện: SOMCA, ACCMSME, COSTI, AWGIPC	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.6.3	Xây dựng hệ sinh thái công nghiệp văn hóa hiện đại và hội nhập.	Cơ quan thực hiện: SOMCA, AEM, ACCMSME, COSTI, AWGIPC	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Mục tiêu 3.7. Thúc đẩy sự hội nhập và kết nối vận tải của ASEAN trong các lĩnh vực hàng không, hàng hải và đường bộ			
3.7.1.	Tăng cường Thị trường Hàng không Thống nhất ASEAN (ASAM) để kết nối tốt hơn trong và ngoài	Chủ trì: STOM	Chủ trì: Bộ Xây dựng

¹³ Đối với nhiệm vụ này, tất cả các Cơ quan Ngành có liên quan sẽ đóng vai trò là Cơ quan thực hiện, ghi nhận các cuộc thảo luận đang diễn ra về cơ chế quản trị và các sắp xếp thể chế cho nền kinh tế sáng tạo theo AEC.

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
	ASEAN, bầu trời an toàn và bảo mật hơn, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý không lưu.		
3.7.2.	Bảo vệ và nâng cao chất lượng mạng lưới vận tải đường bộ khu vực hiệu quả, an toàn và tích hợp trong ASEAN và với các nước láng giềng để hỗ trợ thương mại và du lịch.	Chủ trì: STOM Hỗ trợ: AIF	Chủ trì: Bộ Xây dựng
3.7.3.	Thúc đẩy hiện thực hóa Thị trường vận tải biển chung ASEAN (ASSM).	Chủ trì: STOM	Chủ trì: Bộ Xây dựng
3.7.4.	Hướng tới một hệ thống hậu cần và vận tải đa phương thức tích hợp, hiệu quả và có khả năng cạnh tranh toàn cầu.	Chủ trì: STOM	Chủ trì: Bộ Xây dựng
Mục tiêu 3.8. Đổi mới và tăng cường hợp tác du lịch chất lượng			
3.8.1.	Nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch ASEAN.	Chủ trì: NTO	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.8.2.	Thúc đẩy khả năng phục hồi trong ngành du lịch để chống chọi với những cú sốc và khủng hoảng tiềm ẩn.	Chủ trì: NTO	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.8.3.	Tối ưu hóa du lịch kỹ thuật số để thúc đẩy trải nghiệm du lịch hấp dẫn.	Chủ trì: NTO	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.8.4.	Nâng cao giá trị của các dịch vụ du lịch trong khu vực bằng cách đẩy mạnh các sản phẩm du lịch mới, chất lượng cao, tăng cường trải nghiệm độc đáo cho du khách.	Chủ trì: NTO	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
Mục tiêu 3.9. Thúc đẩy môi trường kinh doanh đổi mới, cạnh tranh và bao trùm để tăng cường hội nhập của các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ (MSMEs) vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu			
3.9.1.	Thúc đẩy năng suất của MSME thông qua khả năng đổi mới và áp dụng các công nghệ hỗ trợ, bao gồm cả việc tham gia nhiều hơn vào các ngành công nghiệp có tác động cao.	Chủ trì: ACCMSME Hỗ trợ: FG-GVC, ADGSOM	Chủ trì: Bộ Công Thương ¹⁴ Phối hợp: Bộ Tài chính
3.9.2.	Thúc đẩy MSME tiếp cận nguồn tài chính truyền thống và thay thế thông qua việc nâng cao hiểu biết về tài chính và sử dụng công nghệ số.	Chủ trì: ACCMSME Hỗ trợ: ACCED, ADGSOM, WC-FINC, và WC-PSS	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
3.9.3.	Tạo điều kiện cho các MSME tham gia vào thị trường khu vực và toàn cầu.	Chủ trì: ACCMSME Hỗ trợ: FG-GVC và ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương
3.9.4.	Thúc đẩy khả năng phục hồi và khả năng cạnh tranh của MSME thông qua các sáng kiến đào tạo lại và nâng cao kỹ năng.	Chủ trì: ACCMSME	Chủ trì: Bộ Tài chính
3.9.5.	Tăng cường chính sách và môi trường quản lý cho sự phát triển và tăng trưởng của MSME.	Chủ trì: ACCMSME	Chủ trì: Bộ Tài chính
3.9.6.	Thúc đẩy các chương trình và ưu đãi phù hợp cho các doanh nghiệp siêu nhỏ để tăng giá trị cho sản phẩm xuất khẩu của họ, tận dụng xu hướng số hóa và tiến bộ công nghệ trong tương lai.	Chủ trì: ACCMSME Hỗ trợ: ACCED và ADGSOM	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Bộ Công Thương

¹⁴ Bộ Công Thương: chủ trì triển khai việc chuyển giao và ứng dụng công nghệ đối với các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao thuộc phạm vi quản lý của Bộ

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
3.9.7.	Tăng cường sự hợp tác và quan hệ đối tác giữa khu vực tư nhân và cộng đồng- tri thức để thúc đẩy đổi mới và nuôi dưỡng tinh thần kinh doanh, chẳng hạn như thành lập các công ty khởi nghiệp ¹⁵	Đồng chủ trì: COSTI và ACCMSME Hỗ trợ: ADGSOM, SOMY, SOMCA, và ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Tài chính
Mục tiêu 3.10. Mở rộng hợp tác khoáng sản và kim loại			
3.10.1.	Tăng cường khuôn khổ và chiến lược liên quan đến thương mại và đầu tư để thúc đẩy đầu tư bền vững trong nước và quốc tế vào tất cả các thành phần của chuỗi giá trị khoáng sản trên khắp các quốc gia thành viên ASEAN nhằm xây dựng cơ sở tài nguyên của ASEAN, mở rộng sản xuất và thương mại, đồng thời tạo ra giá trị bền vững cho các quốc gia thành viên ASEAN.	Chủ trì: ASOMM	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3.10.2.	Tăng cường năng lực con người, thể chế và kỹ thuật trong quản lý khoáng sản, công nghệ, nghiên cứu và phát triển và đổi mới trong lĩnh vực khoáng sản ASEAN để tạo điều kiện tăng đầu tư; nâng cao sản lượng, sử dụng và thương mại khoáng sản; và đạt được kết quả phát triển bền vững.	Chủ trì: ASOMM	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3.10.3.	Triển khai giao thức quản lý kiến thức và thu thập dữ liệu mạnh mẽ cho hệ thống thông tin khoáng sản ASEAN nhằm cải thiện chất lượng và tính khả dụng	Chủ trì: ASOMM	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

¹⁵ Nhiệm vụ liên ngành với Cộng đồng ASCC.

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
	của dữ liệu khoáng sản và thông tin liên quan để thúc đẩy đầu tư và cung cấp thông tin cho việc ra quyết định.		
Mục tiêu 3.11. Tăng cường kết nối cơ sở hạ tầng số			
3.11.1.	Thiết lập cơ sở hạ tầng kỹ thuật số an toàn và linh hoạt trong ASEAN để thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ kỹ thuật số tiên tiến.	Chủ trì: ADGSOM	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
3.11.2.	Tăng cường sự hợp tác và quan hệ đối tác trong việc xây dựng và bảo trì cơ sở hạ tầng số.	Chủ trì: ADGSOM	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ
Mục tiêu 3.12. Tăng cường hợp tác thuế			
3.12.1.	Giải quyết vấn đề đánh thuế hai lần một cách chiến lược để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.	Chủ trì: AFT	Chủ trì: Bộ Tài chính
3.12.2.	Cải thiện cơ cấu thuế khấu trừ để thúc đẩy hội nhập kinh tế và mở rộng cơ sở nhà đầu tư trong phát hành nợ ASEAN.	Chủ trì: AFT	Chủ trì: Bộ Tài chính
3.12.3.	Giảm thiểu tình trạng trốn thuế để đảm bảo sức khỏe tài chính.	Chủ trì: AFT	Chủ trì: Bộ Tài chính
3.12.4.	Thúc đẩy chia sẻ các thông lệ tốt nhất về chiến lược cải cách thuế cho nền kinh tế số.	Đồng chủ trì: AFT và ACCED	Chủ trì: Bộ Tài chính
3.12.5.	Tăng cường quản lý thuế.	Chủ trì: AFT	Chủ trì: Bộ Tài chính

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
3.12.6.	Thúc đẩy chia sẻ kiến thức và thực hiện các chính sách thuế phù hợp với các tiêu chuẩn đã được quốc tế thống nhất.	Chủ trì: AFT	Chủ trì: Bộ Tài chính
MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 4. MỘT CỘNG ĐỒNG CHỦ ĐỘNG VÀ THÍCH ỨNG Tăng cường Chương trình nghị sự ASEAN toàn cầu			
Mục tiêu 4.1. Tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN với các đối tác ngoại khối			
4.1.1.	Xây dựng chiến lược và nâng cấp các Hiệp định Thương mại Tự do giữa ASEAN và từng đối tác (ASEAN+1) hiện có nhằm bảo đảm các FTA này duy trì tính hiện đại, toàn diện và định hướng tương lai, thông qua việc lồng ghép các vấn đề mới và mới nổi, bao gồm nhưng không giới hạn các lĩnh vực: số hóa tạo thuận lợi thương mại, môi trường, quyền lao động và doanh nghiệp MSME.	Chủ trì: Các ủy ban thực thi FTA	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4.1.2.	Đảm bảo thực hiện hiệu quả các quan hệ đối tác kinh tế toàn diện hiện có, bao gồm Hiệp định RCEP.	Chủ trì: RCEP-TNC và RCEP-JC	Chủ trì: Bộ Công Thương
4.1.3.	Tăng cường và xây dựng chiến lược quan hệ đối tác kinh tế với các Đối tác ngoại khối hiện có để thúc đẩy lợi ích chung giữa các bên.	Chủ trì: SEOM	Chủ trì: Bộ Công Thương
Mục tiêu 4.2. Tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN tại các diễn đàn khu vực và đa phương khác			

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
4.2.1.	Nâng tầm quan hệ đối tác kinh tế với các nền kinh tế mới nổi và/hoặc các nhóm khu vực có tầm quan trọng chiến lược tương đồng.	Chủ trì: Các ủy ban thực thi FTA	Chủ trì: Bộ Công Thương
4.2.2.	Cam kết tuân thủ hệ thống thương mại đa phương dựa trên luật lệ và tích cực đóng góp vào các diễn đàn khu vực.	Chủ trì: Các ủy ban thực thi FTA	Chủ trì: Bộ Công Thương
4.2.3.	Tham gia một cách có chiến lược với các thể chế toàn cầu và khu vực nhằm xây dựng hợp tác cùng có lợi dựa trên các đánh giá toàn diện, có cơ sở bằng chứng, đặc biệt nhưng không giới hạn trong các lĩnh vực chiến lược như chuyển đổi công nghệ, phát triển bền vững hướng tới hiện thực hóa nền kinh tế bao trùm và thu hẹp khoảng cách phát triển.	Đồng chủ trì: Các ủy ban thực thi FTA và cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Công Thương
Mục tiêu 4.3. Nâng cao vị thế của ASEAN trong chuỗi giá trị toàn cầu			
4.3.1.	Tăng cường khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng ASEAN bằng cách nâng cấp sự tham gia GVC của ASEAN.	Chủ trì: FG-GVC	Chủ trì: Bộ Công Thương
4.3.2.	Nâng cao khả năng cạnh tranh và khả năng phục hồi của GVC ASEAN thông qua hợp tác công nghiệp khu vực.	Chủ trì: FG-GVC	Chủ trì: Bộ Công Thương
4.3.3.	Tối ưu hóa tiềm năng chuỗi giá trị toàn cầu trong tương lai của ASEAN.	Chủ trì: FG-GVC	Chủ trì: Bộ Công Thương

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
Mục tiêu 4.4. Đảm bảo sự chuẩn bị cho các xu hướng lớn trong tương lai			
4.4.1.	Xây dựng khuôn khổ pháp lý thuận lợi để hỗ trợ chuyển đổi công nghiệp.	Chủ trì: A4IR-TFG	Chủ trì: Bộ Tư pháp
4.4.2.	Thích ứng với động lực thay đổi liên tục thông qua việc hoạch định chính sách khu vực dựa trên bằng chứng.	Đồng chủ trì: ACCED và ADGSOM Hỗ trợ: Ủy ban ACSS	Chủ trì: Bộ Tư pháp
4.4.3.	Cải thiện khả năng phản ứng trước nhu cầu dữ liệu ngày càng tăng của ASEAN.	Chủ trì: Ủy ban ACSS	Chủ trì: Bộ Tài chính
4.4.4.	Thu hẹp khoảng cách hướng tới phát triển bền vững của ngành Thống kê ASEAN.	Chủ trì: Ủy ban ACSS	Chủ trì: Bộ Tài chính
MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 5: MỘT CỘNG ĐỒNG NHANH NHẸN VÀ TỰ CƯỜNG Tăng cường năng lực cho AEC và người dân ASEAN, để ứng phó với các cú sốc, áp lực, khủng hoảng và biến động			
Mục tiêu 5.1. Đảm bảo chuỗi cung ứng ổn định và linh hoạt			
5.1.1.	Tăng cường sự liên kết khu vực về phối hợp, quy trình và hệ thống liên quan đến thương mại xuyên biên giới nhằm giảm thiểu tác động từ sự gián đoạn thương mại khu vực hoặc toàn cầu.	Chủ trì: FG-GVC Hỗ trợ: ATF-JCC và ASWSC	Chủ trì: Bộ Công Thương
5.1.2.	Tăng cường tự động hóa và số hóa để đẩy nhanh quá trình phục hồi sau sự gián đoạn chuỗi cung ứng.	Chủ trì: ACCED, SEOM Hỗ trợ: AC-SPS, ADGSOM	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
5.1.3.	Tối ưu hóa đổi mới công nghiệp của ASEAN để duy trì và mở rộng khả năng tiếp cận các sản phẩm của ASEAN.	Chủ trì: SEOM và cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan
Mục tiêu 5.2. Xây dựng nguồn cung cấp năng lượng, cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu và thiết lập cơ chế phối hợp để bảo vệ an ninh năng lượng			
5.2.1.	Tăng cường khử cacbon trong thương mại than để tăng khả năng phục hồi và an ninh cung ứng của các quốc gia thành viên ASEAN trong bối cảnh gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu.	Chủ trì: SOME	Chủ trì: Bộ Công Thương
5.2.2.	Mở rộng giao dịch điện đa phương và tăng cường cơ sở hạ tầng kết nối khí đốt.	Chủ trì: SOME	Chủ trì: Bộ Công Thương
5.2.3.	Tăng cường cơ sở hạ tầng năng lượng tái tạo và kết nối của nó để tạo điều kiện tích hợp liền mạch cho cơ sở hạ tầng của ASEAN.	Chủ trì: SOME Hỗ trợ: ACCSQ	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ
5.2.4.	Thúc đẩy khả năng kết nối năng lượng trong tương lai của ASEAN, bao gồm cả truyền tải trên đất liền và cáp ngầm dưới biển.	Chủ trì: SOME Hỗ trợ: ACCSQ	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ
5.2.5.	Đầu tư chung để xây dựng an ninh năng lượng hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng có liên quan, tăng cường lưới điện, cải thiện kết nối xuyên biên giới và giải quyết nhu cầu năng lượng quan trọng.	Chủ trì: SOME Hỗ trợ: AIF	Chủ trì: Bộ Công Thương

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
5.2.6	Tăng cường hành động phối hợp trong việc bảo vệ an ninh năng lượng, bao gồm việc thực hiện Thỏa thuận khung ASEAN về An ninh Dầu mỏ và ứng phó nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng bằng cách thiết lập kho dự trữ dầu khí.	Chủ trì: SOME Hỗ trợ: AIF	Chủ trì: Bộ Công Thương
Mục tiêu 5.3. Đảm bảo an ninh lương thực và tăng cường quản lý tài nguyên nước			
5.3.1.	Tăng khả năng phục hồi của thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp trước biến đổi khí hậu, thiên tai và các cú sốc khác.	Chủ trì: SOM-AMAF	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5.3.2.	Tăng cường kết nối thị trường và mạng lưới phân phối cho nông sản và thực phẩm.	Chủ trì: SOM-AMAF	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5.3.3.	Tăng cường hệ thống thông tin an ninh lương thực tích hợp để dự báo, lập kế hoạch và giám sát hiệu quả nguồn cung và việc sử dụng các mặt hàng lương thực cơ bản.	Chủ trì: SOM-AMAF	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5.3.4.	Tăng cường các cơ chế dự trữ gạo khẩn cấp hiện có, bao gồm các nguồn lương thực tại địa phương, để đảm bảo hiệu quả và giải ngân nhanh chóng các nguồn dự trữ gạo khẩn cấp.	Chủ trì: SOM-AMAF Hỗ trợ: APTERR	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5.3.5.	Thúc đẩy đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) nông nghiệp và cơ sở hạ tầng để giải quyết các vấn đề về năng suất nông sản thực phẩm.	Chủ trì: SOM-AMAF Hỗ trợ: COSTI	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
5.3.6.	Tạo điều kiện tiếp cận nguồn tài chính cho nông dân quy mô nhỏ và các bên liên quan khác trong chuỗi giá trị thực phẩm để họ có thể tham gia vào các hệ thống nông-lương thực bền vững.	Chủ trì: SOM-AMAF Hỗ trợ: WC-CMD	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5.3.7.	Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, bao gồm việc áp dụng các công nghệ và phương pháp tiên tiến để tăng năng suất và khả năng phục hồi trong sản xuất nông-lương thực.	Chủ trì: SOM-AMAF Hỗ trợ: COSTI	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ
5.3.8.	Tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân, các tổ chức quốc tế và các nhóm nghiên cứu để thúc đẩy quan hệ đối tác công tư về an ninh hệ thống nông nghiệp - thực phẩm.	Chủ trì: SOM-AMAF Hỗ trợ: ASEAN-BAC	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5.3.9.	Tăng cường quản lý bền vững tài nguyên nước xuyên biên giới; xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước xuyên biên giới và thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa các bên liên quan; nghiên cứu hỗ trợ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn tài nguyên nước và tái sử dụng nước.	Chủ trì: SOM-AMAF Hỗ trợ: ASOEN và AWGWRM	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5.3.10.	Trao quyền cho thế hệ mới trong nông nghiệp thông qua kinh doanh nông nghiệp.	Đồng chủ trì: SOM-AMAF và cơ quan liên quan khác	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Mục tiêu 5.4. Bảo vệ khả năng phục hồi kinh tế vĩ mô và ổn định tài chính

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
5.4.1.	Bảo vệ sự ổn định tài chính để hỗ trợ dòng vốn và hội nhập thông qua tăng cường cơ sở hạ tầng và các chính sách hỗ trợ.	Đồng chủ trì: WC-CAL WC-ABIF	Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Phối hợp: Bộ Tài chính
5.4.2.	Tích hợp các nguyên tắc tài trợ rủi ro trên khắp các tổ chức tài chính để giảm thiểu và ứng phó với các cuộc khủng hoảng như đại dịch và thảm họa, cùng nhiều nguyên tắc khác.	Chủ trì: ACSCC-DRFI Hỗ trợ: Cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Tài chính
5.4.3.	Tận dụng các cơ chế tài trợ khu vực hiện có và khám phá các cơ chế sáng tạo để ứng phó với các trường hợp khẩn cấp như đại dịch, thảm họa và các trường hợp khác.	Chủ trì: ACSCC-DRFI Hỗ trợ: Cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Tài chính
5.4.4.	Tăng cường hợp tác trong việc nâng cao quản lý kho bạc và tài chính công tại ASEAN.	Chủ trì: ATF	Chủ trì: Bộ Tài chính
Mục tiêu 5.5. Thúc đẩy các nỗ lực đào tạo và cơ hội việc làm trên toàn ASEAN và sẵn sàng cho ASEAN			
5.5.1.	Khuyến khích tối ưu hóa việc sử dụng IoT an toàn để tăng cường và thúc đẩy đào tạo nhân lực, tạo việc làm, giới thiệu việc làm, thăng tiến nghề nghiệp, thanh tra lao động và bảo vệ lao động.	Chủ trì: SLOM Hỗ trợ: ADGSOM	Chủ trì: Bộ Nội vụ Phối hợp: Bộ Khoa học và Công Nghệ, Thanh tra Chính phủ
5.5.2.	Tăng cường chương trình đào tạo lại và nâng cao kỹ năng trước sự thay đổi nhân khẩu học. ¹⁶	Đồng chủ trì: ACCMSME, SLOM, và Hội đồng ASEAN TVET	Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Bộ Nội vụ

¹⁶ Cross-pillar Strategic Measure with ASCC.

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
		Hỗ trợ: SOM-ED và ASEAN-BAC	
5.5.3.	Thúc đẩy các biện pháp bảo vệ người lao động trong nền kinh tế trên nền tảng kỹ thuật số. ¹⁷	Đồng chủ trì: ADGSOM, SLOM và SOMCA	Chủ trì: Bộ Nội vụ Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5.5.4.	Phát triển hệ sinh thái và nền tảng dịch vụ giáo dục và đào tạo liên tục (CET) khu vực để thúc đẩy học tập suốt đời. ¹⁸	Đồng chủ trì: CCS và Hội đồng ASEAN TVET Hỗ trợ: DGICM, SLOM, SOM-ED, và AUN	Chủ trì: Bộ Nội vụ Phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Mục tiêu 5.6. Củng cố AEC thông qua đổi mới quy trình lập kế hoạch và điều phối nội bộ			
5.6.1.	Xem xét lại và làm mới các quy trình lập kế hoạch và điều phối nội bộ của AEC.	Đồng chủ trì: HLTF-EI và tất cả cơ quan chuyên ngành AEC	Chủ trì: Bộ Công Thương
5.6.2.	Tăng cường môi trường thể chế, thúc đẩy quan hệ đối tác và nâng cao tính bền vững của Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS).	Chủ trì: ACSS	Chủ trì: Bộ Tài chính
5.6.3.	Tăng cường phổ biến, truyền thông, khả năng hiển thị và sử dụng Thống kê ASEAN.	Chủ trì: ACSS	Chủ trì: Bộ Tài chính

¹⁷ Cross-pillar Strategic Measure with ASCC

¹⁸ Cross-pillar Strategic Measure with APSC và ASCC.

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 6. MỘT CỘNG ĐỒNG HÒA NHẬP, CÙNG THAM GIA VÀ HỢP TÁC Kiến tạo ASEAN lấy con người làm trung tâm, không bỏ lại ai ở phía sau			
Mục tiêu 6.1. Chủ động thu hẹp khoảng cách phát triển			
6.1.1.	Nâng cao năng lực của các MSME và khu vực tư nhân ở những khu vực chậm phát triển trong các quốc gia thành viên ASEAN để tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại khu vực và quốc tế liền mạch. ¹⁹	Đồng chủ trì: IAI-TF và ACCMSME	Chủ trì: Bộ Tài chính
6.1.2.	Nâng cao năng suất của các khu vực bằng cách khai thác số hóa và mở rộng khả năng tiếp cận tài chính vi mô của họ. ²⁰	Đồng chủ trì: IAI-TF, WC-FINC, và ACCMSME Hỗ trợ: ACCED và SLOM	Chủ trì: Bộ Tài chính
6.1.3.	Tạo điều kiện tiếp cận công nghệ hiện đại và cung cấp giáo dục về kỹ thuật số và các kỹ năng thiết yếu khác cho các nhóm và khu vực gặp khó khăn. ²¹	Đồng chủ trì: ACCED, ADGSOM, và Hội đồng ASEAN TVET Hỗ trợ: SOM-ED và IAI-TF	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo
6.1.4.	Tăng cường năng lực thể chế ở cấp khu vực, quốc gia và địa phương để thực hiện các cam kết của ASEAN, giám sát kết quả phát triển và trao đổi thông tin. ²²	Đồng chủ trì: IAI-TF và Cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Ngoại giao
6.1.5.	Tăng cường khả năng phục hồi sau các cú sốc về khí hậu và thích ứng với các biện pháp bền vững để tạo ra	Đồng chủ trì: IAI-TF và AWGCC	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

¹⁹ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (IAI).

²⁰ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (IAI) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội.

²¹ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (IAI) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội.

²² Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (IAI).

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
	giá trị và nâng cao chất lượng cuộc sống cho các nhóm và khu vực dễ bị ảnh hưởng. ²³	Hỗ trợ: FG-CE, ATF-CN, ACTF-BE, ASOEN/AWGCW, và ACSDS	
6.1.6.	Xác định các lĩnh vực có khoảng cách phát triển lớn hơn và tăng cường tài chính bền vững và sáng tạo để giải quyết những khoảng cách đó, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc khám phá các cơ hội để phát triển hệ sinh thái dịch vụ từ thiện của ASEAN. ²⁴	Đồng chủ trì: IAI-TF và CCS Hỗ trợ: WC-FINC và SLC	Chủ trì: Bộ Ngoại giao Phối hợp: Bộ Tài chính
Mục tiêu 6.2. Tăng cường sự tham gia của các cộng đồng dễ bị tổn thương và thiệt thòi trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực			
6.2.1.	Tăng cường cơ chế an sinh xã hội trong toàn bộ vòng đời của cá nhân để trang bị cho cộng đồng ASEAN trong trường hợp xảy ra khủng hoảng và thiên tai, đặc biệt là đối với các cộng đồng dễ bị ảnh hưởng và thiệt thòi. ²⁵	Chủ trì: WC-FINC, Hỗ trợ: SOMSWD, SLOM, SOMRDPE, SOMY, ACW, và ACWC	Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Phối hợp: Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Y tế
6.2.2.	Tăng cường và đảm bảo khả năng phục hồi của cơ sở hạ tầng CNTT và kết nối ở các vùng nông thôn.	Chủ trì: ADGSOM	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ

²³ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (IAI và Kinh tế biển xanh) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội.

²⁴ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Chính trị-An ninh (IAI).

²⁵ Nhiệm vụ liên trụ cột với Cộng đồng Văn hóa-Xã hội.

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
6.2.3.	Nâng cao hiểu biết về tài chính trong các cộng đồng thiết thời, dễ bị ảnh hưởng và thiệt thời.	Đồng chủ trì: WC-FINC, AIRM, và ACMF	Chủ trì: Bộ Tài chính
Mục tiêu 6.3. Tăng cường quan hệ đối tác giữa khu vực công, các ngành công nghiệp tư nhân, học viện và xã hội dân sự			
6.3.1.	Thể chế hóa quan hệ đối tác với khu vực tư nhân, học viện, xã hội dân sự và các tổ chức tài chính trên nhiều khuôn khổ và sáng kiến, bao gồm cả trình độ chuyên môn, theo AEC.	Đồng chủ trì: ASEAN-BAC, SLC, và cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Công Thương
6.3.2.	Thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền về nỗ lực hội nhập kinh tế của ASEAN để các tổ chức tư nhân, học viện và xã hội dân sự tham khảo.	Đồng chủ trì: ASEAN-BAC và cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Công Thương
6.3.3.	Thiết lập các kênh thường xuyên và tăng cường cơ chế để các bên liên quan cung cấp thông tin đầu vào/phản hồi/mối quan tâm của họ về các sáng kiến của AEC.	Đồng chủ trì: ASEAN-BAC, JBC, và đơn vị liên quan	Chủ trì: Bộ Công Thương
6.3.4.	Tăng cường sự tham gia của các viện nghiên cứu uy tín trong khu vực trong bối cảnh thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu về AEC.	Đồng chủ trì: COSTI, SEOM và cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ
Mục tiêu 6.4. Thúc đẩy hợp tác với các cơ chế hợp tác kinh tế tiểu vùng hướng tới cải thiện đời sống của người dân ở các khu vực tiểu vùng			
6.4.1.	Khám phá, thúc đẩy và tăng cường sự phối hợp giữa ASEAN và các cơ chế hợp tác tiểu vùng Mê Công để	Đồng chủ trì: IAI-TF và cơ quan liên quan	Chủ trì: Bộ Ngoại giao Phối hợp: Bộ Công Thương

Mã số	Mục tiêu chiến lược	Cơ quan chuyên ngành của ASEAN (Chủ trì, phối hợp)	Đề xuất Bộ, ngành chủ trì
	thúc đẩy hội nhập kinh tế và thu hẹp khoảng cách phát triển trong khu vực ASEAN.		

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TÊN CÁC CƠ QUAN CHUYÊN NGÀNH CỦA ASEAN

STT	Viết tắt	Tên đầy đủ (Tiếng Anh)	Tên tiếng Việt
1.	A4IR-TFG	ASEAN Fourth Industrial Revolution Task Force Group	Nhóm Đặc trách ASEAN về Cách mạng Công nghiệp 4.0
2.	ACCC	ASEAN Committee on Consumer Protection	Ủy ban ASEAN về Bảo vệ Người tiêu dùng
3.	ACCED	ASEAN Coordinating Committee on E-Commerce	Ủy ban Điều phối ASEAN về Thương mại điện tử
4.	ACCMSME	ASEAN Coordinating Committee on MSMEs	Ủy ban Điều phối ASEAN về Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa
5.	ACCP	ASEAN Committee on Competition Policy	Ủy ban ASEAN về Chính sách Cạnh tranh
6.	ACCSQ	ASEAN Consultative Committee on Standards and Quality	Ủy ban Tư vấn ASEAN về Tiêu chuẩn và Chất lượng
7.	ACSCC-DRFI	ASEAN Cross-Sectoral Coordination Committee on Disaster Risk Financing and Insurance	Ủy ban Điều phối liên ngành ASEAN về Tài chính và Bảo hiểm rủi ro thiên tai
8.	ACSDSD	ASEAN Committee on Sustainable Development	Ủy ban ASEAN về Phát triển Bền vững
9.	ACSS	ASEAN Community Statistical System Committee	Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN
10.	ACW	ASEAN Committee on Women	Ủy ban ASEAN về Phụ nữ
11.	ACWC	ASEAN Commission on the Promotion and Protection of the Rights of Women and Children	Ủy ban ASEAN về thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em
12.	AC-SPS	ASEAN Committee on Sanitary and Phytosanitary Measures	Ủy ban ASEAN về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch
13.	AEGC	ASEAN Expert Group on Competition	Nhóm chuyên gia ASEAN về Cạnh tranh
14.	AFCDM-WG	ASEAN Finance and Central Bank Deputies Meeting Working Group	Nhóm công tác Hội nghị Thứ trưởng Tài chính và Ngân hàng Trung ương ASEAN
15.	AIRM	ASEAN Insurance Regulators' Meeting	Hội nghị Cơ quan quản lý bảo hiểm ASEAN
16.	AQRF	ASEAN Qualifications Reference Framework	Khung Tham chiếu Trình độ ASEAN
17.	ASEAN-BAC	ASEAN Business Advisory Council	Hội đồng Tư vấn Kinh doanh ASEAN
18.	ASOEN	ASEAN Senior Officials on the Environment	Hội nghị Quan chức cấp cao ASEAN về môi trường

19.	ASOF	ASEAN Senior Officials on Forestry	Hội nghị Quan chức cấp cao ASEAN về lâm nghiệp
20.	ASOMM	ASEAN Senior Officials Meeting on Minerals	Hội nghị Quan chức cấp cao ASEAN về khoáng sản
21.	ASSM	ASEAN Single Shipping Market	Thị trường Vận tải biển chung ASEAN
22.	ASWGF _i	ASEAN Working Group on Financial Inclusion	Nhóm công tác ASEAN về tài chính toàn diện
23.	ASWSC	ASEAN Single Window Steering Committee	Ủy ban điều phối Cơ chế một cửa ASEAN
24.	ATF	ASEAN Treasury Forum	Diễn đàn Kho bạc ASEAN
25.	ATF-CN	ASEAN Tax Forum – Contact Network	Mạng lưới liên lạc Diễn đàn Thuế ASEAN
26.	ATF-JCC	ASEAN Trade Facilitation Joint Consultative Committee	Ủy ban tham vấn chung về thuận lợi hóa thương mại ASEAN
27.	AUN	ASEAN University Network	Mạng lưới các trường đại học ASEAN
28.	AWGCC	ASEAN Working Group on Climate Change	Nhóm công tác ASEAN về biến đổi khí hậu
29.	AWGCW	ASEAN Working Group on Chemicals and Waste	Nhóm công tác ASEAN về hóa chất và chất thải
30.	AWGIPC	ASEAN Working Group on Intellectual Property Cooperation	Nhóm công tác ASEAN về hợp tác sở hữu trí tuệ
31.	AWGWRM	ASEAN Working Group on Water Resources Management	Nhóm công tác ASEAN về quản lý tài nguyên nước
32.	CCA	Coordinating Committee on ATIGA	Ủy ban điều phối Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN
33.	CCBWG	Customs Capacity Building Working Group	Nhóm công tác tăng cường năng lực hải quan
34.	CCC	ASEAN Customs Cooperation Committee	Ủy ban hợp tác hải quan ASEAN
35.	CCI	Coordinating Committee on Investment	Ủy ban điều phối ASEAN về đầu tư
36.	CCS	Coordinating Committee on Services	Ủy ban điều phối ASEAN về dịch vụ
37.	CECWG	Customs Enforcement and Compliance Working Group	Nhóm công tác Hải quan về thực thi và tuân thủ
38.	COSTI	Committee on Science, Technology and Innovation	Ủy ban ASEAN về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
39.	CPTFWG	Committee on Procedures and Trade Facilitation Working Group	Nhóm công tác về thủ tục và thuận lợi hóa thương mại

40.	DGICM	ASEAN Directors-General of Immigration Departments and Heads of Consular Affairs Divisions Meeting	Hội nghị Những người đứng đầu cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lãnh sự các nước ASEAN
41.	FG-CE	Focus Group on Circular Economy	Nhóm tập trung về kinh tế tuần hoàn
42.	FG-GVC	Focus Group on Global Value Chains	Nhóm tập trung về chuỗi giá trị toàn cầu
43.	IAI-TF	Initiative for ASEAN Integration Task Force	Nhóm đặc trách Sáng kiến hội nhập ASEAN
44.	JBC	Joint Business Councils	Các Hội đồng Kinh doanh chung
45.	NTO	National Tourism Organization	Cơ quan du lịch quốc gia
46.	RCEP-TNC	RCEP Trade Negotiating Committee	Ủy ban đàm phán thương mại RCEP
47.	SC-AROO	Sub-Committee on ATIGA Rules of Origin	Tiểu ban về Quy tắc xuất xứ ATIGA
48.	SEOM	Senior Economic Officials Meeting	Hội nghị Quan chức kinh tế cấp cao
49.	SLC	Senior Level Committee on Financial Integration	Ủy ban cấp cao về hội nhập tài chính
50.	SLOM	Senior Labour Officials Meeting	Hội nghị Quan chức cấp cao về lao động
51.	SOM-AMAF	Senior Officials Meeting of ASEAN Ministers on Agriculture and Forestry	Hội nghị Quan chức cấp cao nông nghiệp và lâm nghiệp ASEAN
52.	SOM-ED	Senior Officials Meeting on Education	Hội nghị Quan chức cấp cao về giáo dục
53.	SOMCA	Senior Officials Meeting on Culture and Arts	Hội nghị Quan chức cấp cao về văn hóa và nghệ thuật
54.	SOMHD	Senior Officials Meeting on Health Development	Hội nghị Quan chức cấp cao về phát triển y tế
55.	SOME	Senior Officials Meeting on Energy	Hội nghị Quan chức cấp cao về năng lượng
56.	SOMRDPE	Senior Officials Meeting on Rural Development and Poverty Eradication	Hội nghị Quan chức cấp cao về phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo
57.	SOMRI	Senior Officials Meeting Responsible for Information	Hội nghị Quan chức cấp cao phụ trách thông tin
58.	SOMSWD	Senior Officials Meeting on Social Welfare and Development	Hội nghị Quan chức cấp cao về phúc lợi và phát triển xã hội
59.	SOMTC	Senior Officials Meeting on Transnational Crime	Hội nghị Quan chức cấp cao về tội phạm xuyên quốc gia
60.	SOMY	Senior Officials Meeting on Youth	Hội nghị Quan chức cấp cao về thanh niên
61.	STOM	Senior Transport Officials Meeting	Hội nghị Quan chức cấp cao về giao thông vận tải

62.	SWG-AAMRA	Sub-Working Group on ASEAN AEO Mutual Recognition Arrangement	Nhóm công tác về Thỏa thuận công nhận lẫn nhau ASEAN AEO
63.	SWG-ACTS	Sub-Working Group on ASEAN Customs Transit System	Nhóm công tác về Hệ thống Quá cảnh Hải quan ASEAN
64.	TFWG	Trade Facilitation Working Group	Nhóm công tác về thuận lợi hóa thương mại
65.	TSWGC	Technical Sub-Working Group on Classification	Nhóm công tác kỹ thuật về phân loại
66.	WC-ABIF	Working Committee on ASEAN Banking Integration Framework	Nhóm công tác về hội nhập ngân hàng ASEAN
67.	WC-CAL	Working Committee on Capital Account Liberalisation	Nhóm công tác về tự do hóa tài khoản vốn
68.	WC-CMD	Working Committee on Capital Market Development	Nhóm công tác về phát triển thị trường vốn
69.	WC-FINC	Working Committee on Financial Inclusion	Nhóm công tác về tài chính toàn diện
70.	WC-FSL	Working Committee on Financial Services Liberalisation	Nhóm công tác về tự do hóa dịch vụ tài chính
71.	WC-PSS	Working Committee on Payment and Settlement Systems	Nhóm công tác về hệ thống thanh toán
72.	WG-CBM	Working Group on Capacity Building Measures	Nhóm công tác về tăng cường năng lực